

A. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

Phần 1: Trắc nghiệm (5 điểm)

Phần 2: Tự luận (5 điểm)

B. TRỌNG TÂM ÔN TẬP: Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến tuần 14

*** Nội dung kiến thức:**

- Vị trí địa lí và sự thay đổi phạm vi hành chính thành phố Hà Nội
- Di sản văn hóa vật thể tiêu biểu ở Hà Nội: Cổ Loa
- Phong trào “Tương thân tương ái” ở thành phố Hà Nội.
- Học sinh Hà Nội góp phần xây dựng Gia đình văn hóa.

1. Câu hỏi ôn tập

Câu 1:

- Di tích thành Cổ Loa hiện nay nằm ở huyện nào của thành phố Hà Nội?
- Thành Cổ Loa hiện nay gồm mấy vòng thành?
- Thành Cổ Loa gắn liền với mối tình bi thương và cảm động của ai?
- Cổ Loa được chọn làm kinh đô vào những thời kì nào?

Câu 2:

- Kể tên một số phong trào “Tương thân tương ái” ở thành phố Hà Nội? (từ 4 trở lên)
- Em hiểu thế nào về câu tục ngữ: “Thương người như thể thương thân”.

Câu 3: Thế nào là một gia đình văn hóa? Là một học sinh thủ đô, em nên làm gì và không nên làm gì để góp phần xây dựng gia đình văn hóa?

2. Một số dạng bài tập minh họa

Câu 1: “Tương thân tương ái” là gì?

- A. là mọi người cùng yêu thương, đùm bọc, sống hòa thuận, tình cảm với nhau bằng tình thương giữa con người với con người.
- B. là mọi người không yêu thương, đùm bọc, sống hòa thuận, tình cảm với nhau bằng tình thương giữa con người với con người.
- C. là mọi người yêu thương, đùm bọc, sống không hòa thuận, tình cảm với nhau bằng tình thương giữa con người với con người.
- D. là mọi người không yêu thương, đùm bọc, sống hòa thuận, sống không có tình cảm với nhau bằng tình thương giữa con người với con người.

Câu 2: Phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam” được Hội Chữ thập đỏ Việt Nam phát động từ ... ?

- A. tháng 12 năm 1998.
- B. tháng 12 năm 1999.
- C. tháng 12 năm 1997
- D. tháng 12 năm 1996.

Câu 3: Có bao nhiêu tiêu chuẩn để xác định là một gia đình văn hóa?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5



Câu 4: Tên gọi Hà Nội có nghĩa phía trong sông vì thực tế Hà Nội được bao bọc bởi hai con sông:

- A. Sông Hồng và Sông Thu Bồn.
- B. Sông Hồng và Sông Đáy
- C. Sông Hồng và Sông Hậu.
- D. Sông Tiền và Sông Đáy.

Câu 5: Chọn từ điền vào chỗ trống: Phong trào quyên góp sách vở và đồ dùng học tập cho các bạn học sinh vùng bị thiên tai là một trong những hoạt động giáo dục tinh thần “tương thân ươn ái”, “lá lành đùm lá rách” của học sinh Hà Nội với các bạn ở những vùng bị thiên tai.

- A. có ý nghĩa nhân văn sâu sắc, thể hiện
- B. không có ý nghĩa nhân văn sâu sắc, thể hiện
- C. có ý nghĩa nhân văn sâu sắc, chưa thể hiện
- D. không có ý nghĩa nhân văn sâu sắc, chưa thể hiện

Câu 6: Chọn từ điền vào chỗ trống: Các hoạt động của Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ em mồ côi thành phố Hà Nội là, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng cho người; vận động thăm hỏi, tặng quà cho người khuyết tật, trẻ mồ côi ở Hà Nội và các tỉnh thành khác trong cả nước

- A. hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng / không khuyết tật
- B. hỗ trợ chăm sóc, không nuôi dưỡng / khuyết tật
- C. hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng / khuyết tật
- D. Không hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng / khuyết tật

Câu 7: Các hoạt động thiện nguyện của Đoàn – Đội?

- A. “Vì đàn em thân yêu”. “Sân chơi thiếu nhi”.
- B. “Ngôi nhà Khăn quàng đỏ”.
- C. “Chung tay vì trẻ em nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số”.
- D. “Vì đàn em thân yêu”. “Sân chơi thiếu nhi”; “Ngôi nhà Khăn quàng đỏ” ; “Chung tay vì trẻ em nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số”.

Câu 8: Việc làm nào giúp đỡ những bạn có hoàn cảnh khó khăn trong lớp, trong trường?

- A. Quyên góp và không ủng hộ sách vở, đồ dùng, tiền.
- B. Quyên góp và ủng hộ sách vở, đồ dùng, tiền, ...
- C. Quyên góp và bán sách vở, đồ dùng, để lấy tiền tiêu cho mình.
- D. Không quyên góp và bán sách vở, đồ dùng, để lấy tiền tiêu cho mình.

Câu 9: Thủ đô Hà Nội tiếp giáp với bao nhiêu tỉnh?

- A. 9
- B. 6
- C. 7
- D. 8

Câu 10: Năm bao nhiêu di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ Cổ Loa được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt?

- A. Năm 2010
- B. Năm 2011
- C. Năm 2012
- D. Năm 2013

IN LO
ƯỜNG
HỌC C
IQC L

Câu 11: Câu ca dao tục ngữ nào nói đúng về tình thân “Tương thân tương ái” sau đây?

- A. Dù ai nói ngả nói nghiêng
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.
- B. Nhường cơm xẻ áo.
- C. Anh em như thể tay chân
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.
- D. Một sự bất tín, vạn sự bất tin.

Câu 12: Thành phố Hà Nội được UNESCO trao tặng danh hiệu “Thành phố vì hòa bình” vào năm bao nhiêu?

- A. 1999
- B. 1998
- C. 2000
- D. 1997

Câu 13: Thành phố Hà Nội thuộc khu vực đồng bằng nào?

- A. Đồng bằng Sông Cửu Long
- B. Đồng bằng Trung du và miền núi phía Bắc
- C. Đồng bằng Sông Hồng
- D. Đồng bằng Đông Nam Bộ

Câu 14: Ngày Gia đình Việt Nam là ngày nào?

- A. 18/6
- B. 28/6
- C. 16/8
- D. 26/8

Câu 15: Hà Nội đã trải qua bao nhiêu lần thay đổi phạm vi hành chính?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5



Nguyễn Ngọc Lan

NTCM

Hoàng Hà My



A. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

Phần 1: Trắc nghiệm (5 điểm)

Phần 2: Tự luận (5 điểm)

B. TRỌNG TÂM ÔN TẬP: Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến tuần 14.

*** Nội dung kiến thức:**

- Kiểm soát cảm xúc bản thân, Vượt qua khó khăn.
- Tự bảo vệ bản thân trong tình huống nguy hiểm.
- Rèn luyện thói quen ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.
- Rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ.

1. Câu hỏi ôn tập

Câu 1. Em hãy nêu 3 điểm nổi bật cần phải có của một trường học hạnh phúc. Em sẽ làm gì để góp phần xây dựng trường THCS Ngọc Lâm trở thành một trường học hạnh phúc.

Câu 2. Hãy chia sẻ cách em thường dùng để giải tỏa cảm xúc tiêu cực và kể lại cảm nhận của em khi đó.

Câu 3. Em hãy nêu những việc làm để giúp nhà cửa, lớp học gọn gàng, sạch sẽ, ngăn nắp. Những thuận lợi và khó khăn khi sắp xếp nhà cửa, lớp học.

Câu 4. Em hãy chia sẻ kế hoạch rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ của bản thân.

2. Một số dạng bài tập minh họa

Câu 1. Những việc làm nào sau đây thể hiện mối quan hệ hoà đồng với thầy cô và bạn bè?

- A. Chỉ xin ý kiến hoặc nhờ thầy cô chỉ bảo thêm về những vấn đề liên quan tới việc học tập ở trường lớp.
- B. Giúp đỡ những bạn có hoàn cảnh khó khăn cả trong và ngoài lớp tùy theo khả năng của mình.
- C. Chỉ tham gia hoạt động với các bạn khi được thầy cô yêu cầu.
- D. Chỉ chia sẻ, nói chuyện với những bạn chơi thân trong lớp.

Câu 2. Em biết gì về ngôi trường THCS Ngọc Lâm nơi mình đang theo học?

- A. Trường tọa lạc tại số 6 ngõ 370 đường Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội.
- B. Hiệu trưởng của trường THCS Ngọc Lâm hiện nay là nhà giáo Ngô Hồng Giang.
- C. Hiện nay trường THCS Ngọc Lâm có 1 thư viện và được mở cửa vào các ngày trong tuần.
- D. Tất cả các đáp án

Câu 3. Em sẽ làm gì nếu được giao một dự án trong học tập thuộc vào điểm yếu của mình.

- A. Xin cô giáo/ thầy giáo đổi cho mình một đề bài/ dự án khác đúng theo sở trường của bản thân.
- B. Thử tiếp cận đề bài/ đề tài của dự án theo nhiều cách khác mà trước đây chưa từng thử qua, cố gắng tìm cách để cải thiện tốt nhất hiệu quả làm bài.

- C. Tìm cách tránh né bài tập/ dự án hoặc đẩy sang cho bạn khác trong nhóm, trong lớp làm.
D. Nhờ các bạn làm hộ bài tập/ dự án đó.

Câu 4. Khi một bạn trong lớp em không hiểu vô tình hay cố ý làm hỏng hộp bút mà em yêu thích nhất, em sẽ xử lí như thế nào?

- A. Bực tức ra mặt, quát to vào mặt bạn cho hả giận.
B. Kể cho bạn khác nghe về việc bạn làm hỏng hộp bút của em với thái độ hằn học, bực dọc.
C. Ngay lập tức đòi bạn phải sửa hoặc đền lại cho mình hộp bút khác.
D. Hỏi lí do vì sao bạn lại làm như vậy và nhẹ nhàng nói cho bạn này biết suy nghĩ của bản thân lúc này. Có thể đi dạo, hít thở sâu để giải tỏa cảm xúc tiêu cực lúc đó.

Câu 5. Khi biết điểm yếu của một bạn trong lớp, em sẽ làm gì?

- A. Chế giễu, đùa cợt điểm yếu của bạn trước các bạn khác.
B. Em sẽ tránh né, không chơi với bạn và chỉ chơi với những bạn có nhiều điểm mạnh.
C. Tìm và nhờ, hoặc giao cho bạn những việc liên quan đến điểm yếu này.
D. Động viên, giúp đỡ bạn không tự ti, không né tránh mà từng bước khắc phục điểm yếu của bản thân.

Câu 6. Nếu nhận được một đơn hàng đồ ăn, thức uống không rõ từ người nào gửi đến trường cho mình em sẽ làm gì?

- A. Vui vẻ nhận và chia sẻ đồ ăn, thức uống cho các bạn khác trong lớp.
B. Tuyệt đối không nhận đồ ăn, thức uống này và có thể báo cho thầy cô về những điều bất thường.
C. Nhận đồ ăn, thức uống nhưng không dùng mà mời các bạn khác trong lớp dùng.
D. Nhận đồ ăn, thức uống nhưng không dùng ở trường mà mang về nhà để dùng.

Câu 7. Nếu em vô tình phát hiện một bạn nữ trong lớp bị một anh lớp trên quấy rối (điện thoại, nhắn tin gạ gẫm, đe dọa, đòi bạn nữ trên đường đi học về để chọc ghẹo...), em sẽ làm gì?

- A. Tìm cách báo cho thầy cô hoặc phụ huynh để can thiệp.
B. Né tránh, coi như chưa từng biết việc này để giữ an toàn cho bản thân.
C. Động viên bạn nữ không nên sợ hãi dẫn đến giấu diếm việc bị quấy rối, nhanh chóng báo với ba mẹ, thầy cô về mức độ bị quấy rối để được giúp đỡ.
D. Tìm cách xa lánh bạn nữ để tránh việc bị quấy rối cùng.

Câu 8. Khi có một người bạn mới quen qua mạng xã hội ngỏ ý cho em một số tiền lớn để làm một việc trái với nội quy nhà trường và quy định của pháp luật, em sẽ làm gì?

- A. Không nhận lời nhưng giới thiệu cho một bạn khác trong lớp làm để kiếm tiền.
B. Nhận lời làm một lần duy nhất để có được số tiền, sau đó không làm nữa và cắt đứt liên lạc với người này.
C. Từ chối ngay và cắt đứt liên hệ với người này. Cảnh báo với các bạn khác trong lớp, trong trường về người bạn này, cách thức tiếp cận của người bạn này để các bạn khác đề phòng. Tìm cách báo cho ba mẹ, thầy cô hoặc cơ quan công an để được giúp đỡ.
D. Suy nghĩ về lời đề nghị và chưa vội từ chối, vì có thể nhận lời sau.



Câu 9. Em cần làm gì để góc học tập luôn gọn gàng, sạch sẽ?

- A. Thường xuyên sắp xếp sách vở, đồ dùng cá nhân ngăn nắp, gọn gàng, đúng chỗ quy định.
- B. Khi nào ba mẹ kiểm tra hoặc có khách đến nhà thì mới dọn dẹp cho ngăn nắp, sạch sẽ.
- C. Để những vật dùng hay được dùng ở vị trí dễ nhìn thấy, dễ lấy. Còn những thứ ít được dùng có thể sắp xếp ở vị trí nào cũng được.
- D. Để vật dụng khắp mọi nơi để dễ dàng lấy bất cứ lúc nào.

Câu 10. Khi cả nhóm em được giao một bài tập khó thì em sẽ làm gì để cùng giải quyết với các bạn khác trong nhóm?

- A. Thảo luận với các bạn, lên kế hoạch và phân công nhiệm vụ rõ ràng để mỗi bạn đảm nhận mỗi việc, tránh việc đùn đẩy để hoàn thành tốt bài tập được giao.
- B. Không quan tâm vì đây là bài tập nhóm, có những bạn khác sẽ làm.
- C. Làm sơ sài, qua loa cho xong phần việc của mình.
- D. Chỉ chọn nhiệm vụ, phần việc dễ dàng so với năng lực của bản thân.

Câu 11. Em đã rèn luyện tính kiên trì, chăm chỉ trong lao động và cuộc sống hằng ngày như thế nào?

- A. Chỉ làm những việc nhẹ nhàng, né tránh những việc khó khăn, nặng nhọc.
- B. Chỉ làm những việc nhẹ nhàng khi có thời gian.
- C. Chỉ bắt tay vào làm việc khi có hứng thú.
- D. Thường xuyên tự giác tham gia làm việc nhà. Không ngại những việc khó. Luôn cố gắng, kiên trì để hoàn thành mọi công việc đã nhận.

Câu 12. Nếu như trong lớp em có một bạn có hoàn cảnh khó khăn (nhà rất nghèo, mỗi ngày phải đi bộ đi học 7km vì không có xe đạp), bạn này lại là hàng xóm của em thì em sẽ làm gì?

- A. Không có việc làm cụ thể để giúp đỡ vì đã có cô giáo chủ nhiệm, ban cán sự lớp và các bạn khác trong lớp.
- B. Tìm cách giúp đỡ bạn những việc nhỏ như: chủ động chở bạn đi học hàng ngày, vận động các bạn trong lớp và tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của thầy cô và các mạnh thường quân để ủng hộ cho bạn một chiếc xe đạp.
- C. Né tránh thời gian đi học của bạn để không phải chở bạn đi cùng, tránh ảnh hưởng đến việc riêng của bản thân.
- D. Không giao tiếp nhiều với bạn để tránh việc phải giúp đỡ.

BCH duyệt



Nguyễn Ngọc Lan

NTCM

Nguyễn Tú Anh

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KỲ I

MÔN: TOÁN 7

NĂM HỌC 2022 - 2023

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 14

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Định nghĩa lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ. Viết dạng tổng quát của 5 phép toán về lũy thừa.

Câu 2: Tập hợp $\mathbb{R}$ các số thực. Nêu định nghĩa, tính chất giá trị tuyệt đối của một số thực.

Câu 3: Tỷ lệ thức là gì? Phát biểu tính chất cơ bản của tỷ lệ thức. Viết công thức thể hiện tính chất của dãy tỷ số bằng nhau.

Câu 4: Định nghĩa căn bậc hai số học của một số không âm? Cho ví dụ.

Câu 5: Phân biệt làm tròn số và số làm tròn. Thế nào là làm tròn số a đến số b với độ chính xác d?

Câu 6: Thế nào là đại lượng tỷ lệ thuận? Nêu công thức liên hệ? Đại lượng tỷ lệ thuận có tính chất gì?

Câu 7: Đặc điểm nhận biết khối lăng trụ đứng tam giác, tứ giác, hình hộp chữ nhật, hình lập phương và các công thức tính diện tích xung quanh, thể tích.

Câu 8: Nêu khái niệm, tính chất hai góc đối đỉnh. Thế nào là hai góc kề nhau, kề bù?

Câu 9: Định nghĩa tia phân giác của một góc. Nêu cách vẽ tia phân giác của một góc bằng compa và thước hai lề.

Câu 10: Phát biểu dấu hiệu nhận biết, tính chất hai đường thẳng song song.

Câu 11: Phát biểu nội dung tiên đề O-clit về đường thẳng song song.

Câu 12: Định lý tổng ba góc trong một tam giác. Định lý tổng ba góc trong một tam giác khi áp dụng vào tam giác vuông.

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

A- TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Chọn đáp án đúng trong các phát biểu sau

- A. Số vô tỉ được biểu diễn dưới dạng số thập phân hữu hạn
- B. Số vô tỉ được biểu diễn dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn
- C. Số vô tỉ được biểu diễn dưới dạng số thập phân vô hạn không tuần hoàn
- D. Số vô tỉ được biểu diễn dưới dạng số thập phân hữu hạn hoặc số thập phân vô hạn tuần hoàn

Câu 2. 16 là căn bậc hai số học của số

A. 4.

B. 16.

C. $\sqrt{16}$.

D. 256.

Câu 3. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng?

A. Nếu $a \in \mathbb{Z}$ thì $a \in \mathbb{R}$.

B. Nếu $a \in \mathbb{R}$ thì $a \in \mathbb{Z}$.

C. Nếu $a \in \mathbb{R}$ thì $a \in \mathbb{Q}$.

D. Nếu $a \notin \mathbb{Z}$ thì $a \in \mathbb{Q}$.

Câu 4. Số $\frac{-3}{8}$ là kết quả của phép tính nào dưới đây?

A. $\frac{-1}{8} - \frac{1}{4}$.

B. $\frac{1}{2} - \frac{1}{8}$.

C. $\frac{1}{8} - \frac{1}{4}$.

D. $-\frac{1}{2} - \frac{1}{8}$.

Câu 5. Giá trị tuyệt đối của -1,5 là

A. 1,5

B. -1,5.

C. 2.

D. -2.

Câu 6. Viết kết quả của phép tính $(0,71)^2 \cdot (0,71)^3$ dưới dạng lũy thừa, ta được:

A. $(0,71)^5$.

B. $(0,71)^6$.

C. $(0,71)^8$.

D. $(0,71)^9$.

Câu 8. Chọn câu đúng. Với các điều kiện các phân thức có nghĩa thì

A. $\frac{x}{a} = \frac{y}{b} = \frac{x+y}{a+b}$

B. $\frac{x}{a} = \frac{y}{b} = \frac{x \cdot y}{a \cdot b}$

C. $\frac{x}{a} = \frac{y}{b} = \frac{x+y}{a+b}$

D. $\frac{x}{a} = \frac{y}{b} = \frac{x-y}{a+b}$

Câu 9. Các cặp tỉ số nào ở mỗi câu dưới đây lập thành một tỉ lệ thức?

A. $\frac{1}{2}$ và $\frac{5}{10}$

B. $\frac{-1}{2}$ và $\frac{1}{2}$

C. $\frac{1}{-2}$ và $\frac{5}{10}$

D. $\frac{1}{2}$ và $\frac{-5}{10}$

Câu 10. Chọn câu sai?

A. $6^7 : 6^5 = 36$.

B. $(-2009)^0 = 1$.

C. $(0,2)^2 \cdot (0,2) = \frac{1}{25}$.

D. $\left[(0,8)^2\right]^3 = (0,8)^6$.

Câu 11. Chọn khẳng định đúng

A. $|-0,4| = 0,4$

B. $|-0,4| = -0,4$.

C. $|-0,4| = \pm 0,4$.

D. $|-0,4| = 0$.

Câu 12. Trong các số sau số nào là số thập phân vô hạn tuần hoàn?

A. 1,5

B. 2,0505

C. -1,(23)

D. -3,25

Câu 13. Các cặp tỉ số nào ở mỗi câu dưới đây lập thành một tỉ lệ thức?

A. $\frac{1}{2}$ và $\frac{5}{10}$

B. $\frac{-1}{2}$ và $\frac{1}{2}$

C. $\frac{1}{-2}$ và $\frac{5}{10}$

D. $\frac{1}{2}$ và $\frac{-5}{10}$

Câu 14. Tính: $\sqrt{81} =$

- A. -9. B. 81. C. ± 9 . D. 9.

Câu 15. Số hữu tỉ x thỏa mãn $x^2 = 225$ là

- A. $x = 15$. B. $x = -15$. C. $x = 15$ hoặc $x = -15$. D. $x = 25$.

Câu 16. Tia Ob là tia phân giác của $\widehat{aOc}$ khi:

- A. Tia Ob nằm giữa hai tia Oa và Oc B. $\widehat{aOb} = \widehat{bOc}$
C. $\widehat{aOb} + \widehat{bOc} = \widehat{aOc}$ D. $\widehat{aOb} = \widehat{bOc}$ và $\widehat{aOb} + \widehat{bOc} = \widehat{aOc}$

Câu 17. Cho góc xOy và góc yOz là hai góc kề bù. Khẳng định nào sau đây đúng?

- A. $\widehat{xOy} - \widehat{yOz} = 180^\circ$ B. $\widehat{xOy} - \widehat{yOz} = 90^\circ$
C. $\widehat{xOy} + \widehat{yOz} = 180^\circ$ D. Tia Ox và tia Oy là hai tia đối nhau

Câu 18. Hai đường thẳng zz' và tt' cắt nhau tại A . Góc đối đỉnh với góc $\widehat{zAt'}$ là:

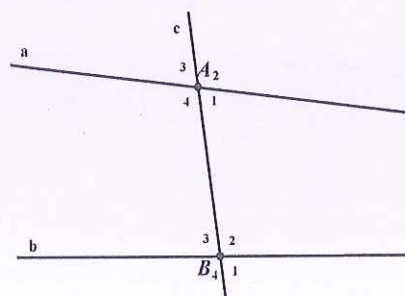
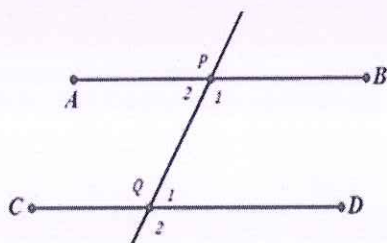
- A. $\widehat{z'At}$ B. $\widehat{z'At'}$ C. $\widehat{zAt'}$ D. $\widehat{zAt}$

Câu 19. Góc đồng vị với góc $\widehat{A_2}$

- A. $\widehat{A_4}$. B. $\widehat{B_2}$. C. $\widehat{B_4}$. D. $\widehat{B_3}$.

Câu 20. Cho hình vẽ, biết $AB \parallel CD$. Khẳng định đúng là:

- A. $\widehat{P_2} + \widehat{Q_1} = 180^\circ$.
B. $\widehat{P_1} + \widehat{Q_2} = 180^\circ$.
C. $\widehat{P_1} = \widehat{Q_1}$.
D. $\widehat{P_1} + \widehat{Q_1} = 180^\circ$.



II. TỰ LUẬN

* ĐẠI SỐ

Bài 1. Tính hợp lý (nếu có thể):

- 1) $\frac{11}{24} - \frac{5}{41} + \frac{13}{24} + 0,5 - \frac{36}{41}$ 2) $(-12) : \left(\frac{3}{4} - \frac{5}{6}\right)^2$ 3) $\frac{7}{23} \cdot \left[\left(-\frac{8}{6}\right) - \frac{45}{18}\right]$
4) $\frac{3}{4} \cdot 26\frac{1}{5} - \frac{3}{4} \cdot 44\frac{1}{5}$ 5) $(-6,5) \cdot 5,7 + 5,7 \cdot (-3,5)$ 6) $16\frac{2}{7} : \left(\frac{-3}{5}\right) + 28\frac{2}{7} : \frac{3}{5}$
7) $15 \cdot \left(-\frac{2}{3}\right)^2 - \left|-\frac{7}{3}\right|$ 8) $10 \cdot \sqrt{0,01} \cdot \sqrt{\frac{16}{9}} + 3\sqrt{49} - \frac{1}{6}\sqrt{4}$ 9) $\sqrt{0,36} \cdot \sqrt{\frac{25}{16}} + \left|-\frac{1}{4}\right|$
10) $\left(2^2 : \frac{4}{3} - \frac{1}{2}\right) \cdot \frac{6}{5} - 17$ 11) $\left[6 - 3 \cdot \left(-\frac{1}{3}\right)^2 + \sqrt{0,25}\right] : \sqrt{0,9}$ 12) $\frac{4^2 \cdot 4^3}{2^{10}} \cdot 2004$

Bài 2. Tìm x , biết:

- a) $2x - \frac{1}{2} = (-5)$ b) $\frac{x}{12} - \frac{5}{6} = \frac{1}{12}$ c) $1\frac{1}{3} : 0,8 = \frac{3}{4}x : (-1,5)$
d) $\frac{3}{4} + \frac{5}{2}x = \frac{7}{2}$ e) $\frac{x-1}{3} = \frac{-1}{2}$ f) $\left|\frac{1}{4} + x\right| - \frac{1}{3} = \frac{2}{5}$

g) $(5x-1)(2x-3)=0$ h) $\left(2x-\frac{1}{5}\right)^2 + \frac{16}{25} = (-2022)^0$ i) $\left(x-\frac{1}{8}\right)^3 = \frac{-8}{125}$

Bài 3. Tìm các số x, y, z , biết:

a) $\frac{x}{3} = \frac{y}{4}$ và $x+y=28$ b) $\frac{x}{7} = \frac{y}{3}$ và $x-24=y$ c) $\frac{x}{5} = \frac{y}{7} = \frac{z}{2}$ và $y-x=48$

d) $\frac{x}{3} = \frac{y}{5} = \frac{z}{7}$ và $2x+3y-z=-14$ e) $\frac{x}{2} = \frac{y}{3}; \frac{y}{4} = \frac{z}{5}$ và $x+y-z=10$

f) $5x=3y=2z$ và $z-x=36$

Bài 4. Chia 310 thành ba phần tỷ lệ thuận với 2, 3, 5. Tìm giá trị mỗi phần.

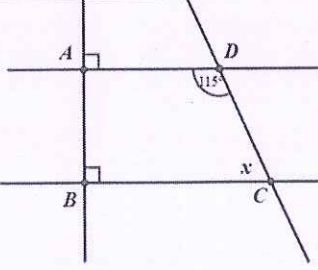
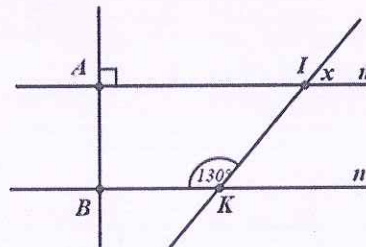
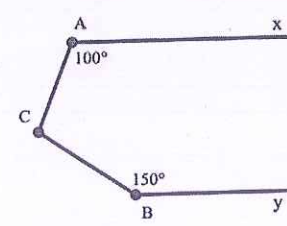
Bài 5. Một tam giác có số đo ba góc lần lượt tỉ lệ với 4; 5; 6. Tính số đo các góc của tam giác đó.

Bài 6. Ba nhà sản xuất góp vốn theo tỉ lệ 3; 5; 7. Hỏi mỗi nhà sản xuất phải góp bao nhiêu vốn biết rằng tổng số vốn là 210 triệu đồng.

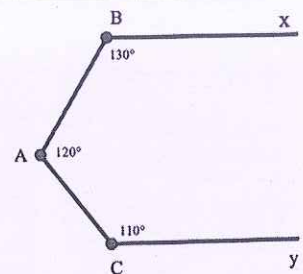
Bài 8. Học sinh của 3 lớp 7A, 7B, 7C cần phải trồng 50 cây xanh. Lớp 7A có 45 học sinh, lớp 7B có 54 học sinh, lớp 7C có 51 học sinh. Hỏi mỗi lớp phải trồng bao nhiêu cây xanh, biết số cây xanh tỉ lệ thuận với số học sinh.

* HÌNH HỌC

Bài 9. Tính số đo góc x trên hình vẽ sau:

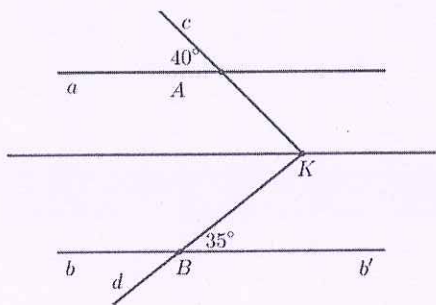
<i>Hình 1.</i> 	<i>Hình 2.</i> Biết $m \parallel n$. 
Bài 10. a) Cho hình 3. Biết $Ax \parallel By$, $\widehat{CAx} = 100^\circ$, $\widehat{CBx} = 150^\circ$. Tính số đo $\widehat{ACB}$.	<i>Hình 3</i> 

b) Cho hình 4. Chứng minh: $Bx \parallel Cy$. Biết $\widehat{ABx} = 130^\circ, \widehat{BAC} = 120^\circ, \widehat{ACy} = 110^\circ$

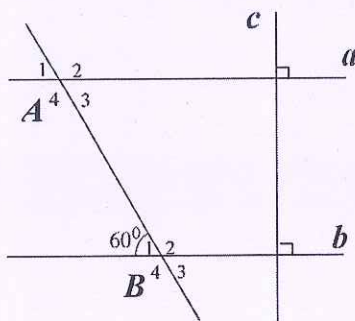


Hình 4

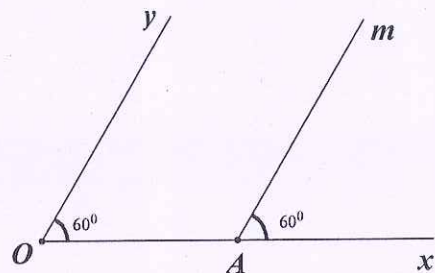
Bài 11. Cho hình 5, biết: $a \parallel b, c$ cắt a tại A , sao cho $\widehat{cAa} = 40^\circ, d$ cắt b , sao cho $\widehat{KBb'} = 35^\circ, c$ cắt d tại K . Tính $\widehat{AKB}$?



Hình 5



Hình 6



Hình 7

Bài 12. Cho hình 6:

a) Chứng minh $a \parallel b$

b) Tính số đo góc $\widehat{B_2}$ và $\widehat{A_3}$

Bài 9: Cho hình 7 biết $\widehat{xOy} = 60^\circ; \widehat{xAm} = 60^\circ$. Kẻ Ot là phân giác $\widehat{xOy}$, An là phân giác $\widehat{xAm}$

a) Chứng minh $Ot \parallel An$.

b) Kẻ $AH \perp Ot$ ($H \in Ot$). Chứng minh AH là phân giác của $\widehat{OAm}$.

Bài 13. Cho $\widehat{xOy} = 60^\circ$. Trên Ox lấy điểm A, trên Oy lấy điểm B sao cho $OA > OB$. Qua A vẽ đường thẳng song song với Oy. Qua B vẽ đường thẳng song song với Ox. Hai đường thẳng này cắt nhau tại C.

a) Tính số đo $\widehat{ACB}$.

b) Kẻ tia phân giác của góc OAC, tia này cắt BC ở D. Tính số đo $\widehat{ADC}$.

c) Kẻ tia phân giác của góc OBC, tia này cắt OA ở E. Chứng minh: $AD \parallel BE$.

Bài 14. Cho $\triangle ABC$ có $\widehat{A} = 60^\circ, \widehat{B} = 80^\circ, AD$ là tia phân giác của góc A ($D \in BC$). Từ D vẽ đường thẳng song song với AB cắt AC tại M.

a) Tìm số đo $\widehat{ADM}$ và $\widehat{DMC}$.

b) So sánh số đo $\widehat{MKC}$ và $\widehat{B}$. Tính số đo góc $\widehat{AMK}$.

* **NÂNG CAO**

Bài 15. Cho tỉ lệ thức $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$. Chứng minh rằng ta có các tỉ lệ thức sau (các tỉ lệ thức đều có nghĩa):

a) $\frac{2a+3b}{2a-3b} = \frac{2c+3d}{2c-3d}$

b) $\frac{ab}{cd} = \frac{a^2-b^2}{c^2-d^2}$

c) $\left(\frac{a+b}{c+d}\right)^2 = \frac{a^2+b^2}{c^2+d^2}$

Bài 16. Tìm số nguyên n sao cho $A = \frac{3n+2}{n-1}$ nhận giá trị nguyên.

Bài 17: Tìm GTNN của biểu thức:

a) $P = |2x+4| - 5$

b) $E = |2x+7| + \frac{2}{5}$

Bài 18*. Tính a) $3^{2010} - (3^{2009} + 3^{2008} + 3^{2007} + \dots + 3 + 3^0)$.

b) $1^2 - 2^2 + 3^2 - 4^2 + 5^2 - 6^2 + \dots + 2009^2 - 2010^2$

BGH duyệt

TTCM

NTCM



Nguyễn Thị Thu Hằng

Phạm Thị Hải Yến

Phạm Thị Thu Trang

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: TOÁN - TIN - CÔNG NGHỆ

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ
HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2022 - 2023
MÔN: TIN HỌC
KHỐI: 7

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến tuần 14:

- Bài 1: Thiết bị vào - ra
- Bài 2: Phần mềm máy tính
- Bài 3: Quản lí dữ liệu trong máy tính
- Bài 4: Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet
- Bài 5: Ứng xử trên mạng
- Bài 6: Làm quen với phần mềm bảng tính
- Bài 7: Tính toán tự động trên bảng tính

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Thông tin có nội dung xấu là gì?

Câu 2: Một số tác hại ảnh hưởng tới người nghiện Internet?

Câu 3: Nêu chức năng chính của phần mềm bảng tính?

Câu 4: Nêu các bước nhập dữ liệu, chỉnh sửa dữ liệu, định dạng dữ liệu trên phần mềm bảng tính.

Câu 5: Nêu các kiểu dữ liệu có trong phần mềm bảng tính.

Câu 6: Nêu một số việc nên làm khi sử dụng máy tính.

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

Trắc nghiệm khách quan: Chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng

Câu 1: Thiết bị phổ biến nhất được sử dụng để nhập dữ liệu số và văn bản vào máy tính là:

A. Máy vẽ đồ thị.

B. Bàn phím.

C. Màn in

D. Máy quét.

Câu 2: Hệ điều hành nào sau đây dành cho điện thoại thông minh?

A. iOS.

B. Android.

C. Windows Phone.

D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 3: Ưu điểm của thẻ nhớ, USB khi lưu giữ dữ liệu là:

A. Dễ bị thất lạc.

B. Nhỏ gọn, tiện sử dụng, khá bền.

C. Dễ lây lan virus.

D. Khó bị nhiễm virus.

Câu 4: Không nên dùng mạng xã hội cho mục đích nào sau đây?

- A. Giao lưu với bạn bè.
- B. Học hỏi kiến thức.
- C. Bình luận xấu về người khác.
- D. Chia sẻ các hình ảnh phù hợp của mình.

Câu 5: Cách tốt nhất em nên làm khi bị ai đó bắt nạt trên mạng là gì?

- A. Nói lời xúc phạm người đó.
- B. Cố gắng quên đi và tiếp tục chịu đựng.
- C. Nhờ bố mẹ, thầy cô giáo giúp đỡ, tư vấn.
- D. Đe dọa người bắt nạt mình.

Câu 6: Một ngày một học sinh cấp Trung học cơ sở nên truy cập Internet trong thời gian bao lâu?

- A. Càng dành ít thời gian sử dụng Internet càng tốt
- B. 20/24
- C. 12/24
- D. 7/24

Câu 7: Khi trò chuyện trên mạng em nên sử dụng webcam khi nào?

- A. Không bao giờ sử dụng webcam
- B. Khi nói chuyện với những người em chỉ biết qua mạng
- C. Khi nói chuyện với bất kì ai
- D. Khi nói chuyện với những người em biết trong thế giới thực như bạn học,

người thân, ...

Câu 8: Khi nhập số vào ô tính thì dữ liệu được tự động:

- A. F
- B. 6
- C. F6
- D. 6F

Câu 9: Một vùng dữ liệu trên bảng tính bao gồm m hàng và n cột sẽ có bao nhiêu ô dữ liệu?

- A. $m + n$
- B. $2 \times (m + n)$
- C. $m \times n$
- D. 2

Câu 10: Nếu muốn căn trái dữ liệu trong ô tính là số, ví dụ số 10, thì làm thế nào

- A. Nhập theo dạng "10".
- B. Nhập số 10, sau đó dùng lệnh căn trái để điều chỉnh cho dữ liệu trong ô căn trái.
- C. Không thể căn trái dữ liệu là số.
- D. Máy tính sẽ tự động căn trái dữ liệu số

Câu 11: Mệnh đề nào dưới đây mô tả đúng nhất nhận định: Việc đưa công thức vào bảng tính là một cách điều khiển tính toán tự động trên dữ liệu.

- A. Công thức có thể sao chép đến bất kì chỗ nào trong bảng tính.
- B. Công thức luôn bảo toàn và giữ nguyên quan hệ tương đối giữa địa chỉ ô chứa công thức và các địa chỉ có trong công thức.

C. Giá trị công thức luôn tự động được tính lại sau mỗi 10 giây.

D. Giá trị công thức sẽ được tự động tính lại mỗi khi các ô dữ liệu có trong công thức thay đổi và công thức luôn bảo toàn, giữ nguyên quan hệ tương đối giữa địa chỉ ô chứa công thức và các địa chỉ có trong công thức.

Câu 12: Muốn nhập công thức trực tiếp vào ô tính thì đầu tiên em cần?

A. Gõ dấu =

B. Gõ biểu thức

C. Nhấn Enter

D. Cả A và C đều đúng

Câu 13: Trong các công thức dưới đây công thức viết đúng trong Excel là?

A. $= (5^2 + 10) * 5$

B. $= (25 - 10) : 3 * 7$

C. $= 22 + 16 : 3$

D. $= (13 + 2^3) / 3 \times 5$

Câu 14: Để tính trung bình của 2 số 7 và 9 thì công thức nào dưới đây là đúng?

A. $= 7 + 9 : 2$

B. $= (7 + 9) : 2$

C. $= 7 + 9 / 2$

D. $= (7 + 9) / 2$

Câu 15: Nếu nhận được tin nhắn và lời mời kết bạn trên Facebook từ một người mà em không biết. Em sẽ làm gì?

A. Chấp nhận yêu cầu kết bạn và Trả lời tin nhắn ngay

B. Không chấp nhận kết bạn và không Trả lời tin nhắn

C. Nhắn tin hỏi người đó là ai, để xem mình có quen không, nếu quen mới kết bạn

D. Vào Facebook của họ đọc thông tin, xem ảnh xem có phải người quen không, nếu phải thì kết bạn, không phải thì thôi



BGH duyệt

Nguyễn Thị Thu Hằng

TTCM

Phạm Hải Yến

NTCM

Trần Minh Ngọc

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: TOÁN – TIN – CÔNG NGHỆ

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KÌ- HỌC KÌ I

NĂM HỌC: 2022-2023

MÔN: CÔNG NGHỆ . KHỐI: 7

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 14

2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu 1: Em hãy nêu vai trò của rừng ?

Câu 2: Em hãy nêu vai trò của rừng phòng hộ, rừng sản xuất và rừng đặc dụng ?

Câu 3: Nêu quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần và cây con có bầu?

Câu 4: Em hãy nêu các công việc chăm sóc rừng sau khi trồng?

Câu 5: Thế nào là nhân giống vô tính cây trồng và chúng thường áp dụng với các loại cây nào?

Câu 6: Nêu các phương pháp thu hoạch, bảo quản sản phẩm ?

Câu 7: Em hãy nêu quy trình giám canh cho một đối tượng cây trồng phù hợp ở gia đình hoặc địa phương?

Phần 2: Một số bài tập minh họa

Câu 1. Phân lỏng của đất trồng giúp:

A. Cây đứng vững

B. Cung cấp nước cho cây

C. Cung cấp oxygen cho cây

D. Cả 3 đáp án A,B,C

Câu 2. Cây nào sau đây thuộc nhóm cây ăn quả?

A. Cây ngô

B. Cây su hào

C. Cây vải thiều

D. Cây tiêu

Câu 3. Cây nào sau đây thuộc nhóm cây gia vị?

A. Cây ngô

B. Cây su hào

C. Cây vải thiều

D. Cây tiêu

Câu 4. Cà đất có tác dụng gì:

A. Làm đất tơi, xốp

B. Giúp đất thoáng khí

C. Chôn vùi cỏ dại

D. Cả 3 đáp án A,B,C

Câu 5. Có cách bón phân nào?

A. Rắc đều lên mặt luống

B. Theo hàng

C. Theo hốc

D. Cả 3 đáp A,B,C

Câu 6. Làm cỏ giúp:

A. Giảm cạnh tranh dinh dưỡng với cây trồng.

B. Cây đứng vững

C. Tạo độ tơi xốp cho đất

D. Tạo độ thoáng khí cho đất

Câu 7. Vun xới giúp:

A. Tạo điều kiện cây sinh trưởng, phát triển

B. Hạn chế nơi trú ẩn của sâu

C. Hạn chế nơi trú ẩn của bệnh

D. Giảm sự cạnh tranh dinh dưỡng

Câu 8. Thời vụ trồng rừng thích hợp nhất là khi nào?

A. Thời tiết lạnh

B. Thời tiết nóng

C. Thời tiết ẩm

D. Thời tiết ẩm, độ ẩm vừa phải, đủ nước tưới

Câu 9. Thời vụ trồng rừng chính ở các tỉnh miền Bắc là mùa nào?

A. Mùa đông và mùa hè

B. Mùa xuân và mùa thu

C. Mùa đông và mùa xuân

D. Mùa hè và mùa thu

Câu 10. Nội dung nào sau đây KHÔNG phải là một trong những vai trò của rừng?

A. Điều hòa không khí.

B. Cung cấp lương thực cho xuất khẩu.

C. Là nơi sống của động, thực vật rừng.

D. Cung cấp gỗ cho con người.

Câu 11. Câu nào sau đây mô tả vai trò của rừng là bảo vệ môi trường?

A. Rừng cho nhiều sản phẩm gỗ: Bàn gỗ, Cửa gỗ.

B. Rừng cung cấp khí oxygen, thu khí cacbon dioxide.

C. Rừng cho ta mật ong, thuốc nam.

D. Rừng nơi ở động vật, .

Câu 12. Em hãy nhận biết sản phẩm nào sau đây được sản xuất từ rừng phục vụ con người?

A. Vở, thước được làm từ gỗ.

- B. Thuốc, Bút được làm từ kim loại.
- C. Túi sách, giày dép được làm từ da bò nhập khẩu.
- D. Bánh được làm từ bột củ mì.

Câu 13: Giâm cành là phương pháp:

- A. Nuôi cấy mô
- B. Nhân giống vô tính
- C. Nhân giống hữu tính
- D. Nhân giống vô tính và hữu tính

Câu 14: Trong kỹ thuật giâm cành, việc cắt bớt phần lá của cành giâm nhằm mục đích:

- A. Giúp cây tăng khả năng quang hợp.
- B. Kích thích cành giâm hình thành lá mới.
- C. Kích thích cành giâm nhanh ra rễ.
- D. Giảm sự thoát hơi nước của cành giâm.

Câu 15: Việc sử dụng thùng xốp đã qua sử dụng để trồng rau an toàn có ý nghĩa:

- A. Giúp cây nhanh lớn.
- B. Hạn chế nguồn sâu bệnh.
- C. Thuận lợi cho việc chăm sóc.
- D. Bảo vệ môi trường.

Câu 16: Người ta làm hàng rào bảo vệ sau khi trồng rừng nhằm mục đích chính:

- A. Bảo vệ cây rừng không bị các loại sâu, bệnh phá hại.
- B. Bảo vệ cây rừng không bị các loại động vật gây hại.
- C. Bảo vệ cây rừng không bị gió làm đổ.
- D. Bảo vệ cây rừng không bị con người phá hại.

Câu 17: Trồng rừng đúng thời vụ có tác dụng:

- A. Giúp tiết kiệm công lao động.
- B. Giúp cây rừng có tỉ lệ sống cao, sinh trưởng và phát triển tốt.
- C. Giúp tiết kiệm phân bón và thuốc trừ sâu.
- D. Giúp nâng cao chất lượng các sản phẩm của rừng.

Câu 18: Việc bón phân định kì trong quá trình chăm sóc rừng có tác dụng:

- A. Kích thích sự phát triển của cỏ dại.
- B. Hạn chế sự phát triển của sâu, bệnh hại.
- C. Cung cấp chất dinh dưỡng cho cây rừng.
- D. Làm cho đất tơi xốp, tạo điều kiện cho rễ cây phát triển.

Câu 19: Để bảo vệ rừng, chúng ta KHÔNG nên làm việc:

- A. Bảo vệ rừng đầu nguồn.
- B. Khai thác gỗ càng nhiều càng tốt.
- C. Tích cực trồng rừng.
- D. Chăm sóc rừng thường xuyên.

Câu 20. Phòng trừ sâu bệnh hại trên cây trồng bằng biện pháp hoá học có ưu điểm:

- A. Gây ô nhiễm môi trường, diệt trừ sâu bệnh nhanh chóng.
- B. Ảnh hưởng sức khoẻ vật nuôi, con người, hệ sinh thái.
- C. Diệt trừ sâu bệnh nhanh chóng, triệt để và ít tốn công lao động.
- D. Tốn nhiều công lao động, diệt triệt để sâu bệnh hại.



BGH kí duyệt

Nguyễn Thị Thu Hằng

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NTCM

Dương Thị Tươi

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: KHOA HỌC XÃ HỘI
NHÓM VĂN 7

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KÌ HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN - KHỐI: 7
NĂM HỌC 2022-2023

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Văn bản:

***Yêu cầu:** Đọc lại các văn bản, nắm được đặc trưng của các thể loại văn bản: truyện, thơ, tùy bút

2. Tiếng Việt:

- Mở rộng trạng ngữ trong câu bằng cụm từ.
- Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.
- Các biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, nói giảm nói tránh, điệp ngữ
- Số từ, phó từ
- Nghĩa của từ
- Dấu câu: Dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép
- Ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ

***Yêu cầu:** Hiểu được tác dụng của việc dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và mở rộng trạng ngữ trong câu. Nhận biết được biện pháp tu từ hiểu được tác dụng của các biện pháp tu từ ; Công dụng của các dấu câu; Nắm được khái niệm, phân loại số từ, phó từ; Hiểu được nghĩa của từ trong các ngữ cảnh khác nhau.

3. Viết:

- Tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài.
- Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.
- Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học.
- Viết bài văn biểu cảm về con người và sự việc

***Yêu cầu:** Biết tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài. Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ. Cách viết một bài văn trình bày suy nghĩ về một vấn đề trong đời sống, viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học, bài văn biểu cảm về con người và sự việc

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

Dạng 1: Đọc- hiểu

Bài 1

Đọc văn bản sau:

CÂU CHUYỆN VỀ HAI HẠT LÚA

Có hai hạt lúa nọ được giữ lại để làm hạt giống cho vụ sau vì cả hai đều là những hạt lúa tốt đều to khỏe và chắc mẩy,...

Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó. Hạt thứ nhất nhủ thầm:

“Đại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân hình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng trong lớp vỏ này và tìm một nơi lý tưởng để trú ngụ”. Thế là nó chọn một góc khuất trong kho lúa để lẩn vào đó.

Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.

Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng. Lúc này chất dinh dưỡng chẳng giúp ích được gì nên nó chết dần chết mòn. Trong khi đó hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đất nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt. Nó lại mang đến cho đời những hạt lúa mới...

(Theo Hạt giống tâm hồn, NXB Trẻ, 2004)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là phương thức nào?

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Biểu cảm
- D. Nghị luận

Câu 2. Văn bản trên được kể theo lời của ai?

- A. Lời của hạt lúa thứ nhất
- B. Lời của hạt lúa thứ hai
- C. Lời của người kể chuyện
- D. Lời kể của hai cây lúa

Câu 3. Chi tiết chính trong văn bản trên là chi tiết nào?

- A. Người nông dân
- B. Cánh đồng
- C. Hai hạt lúa
- D. Chất dinh dưỡng

Câu 4. Vì sao hạt lúa thứ hai lại “ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất”?

- A. Vì nó muốn được ra đồng cùng ông chủ.
- B. Vì nó biết chỉ khi được gieo xuống đất, nó mới được bắt đầu một cuộc sống mới
- C. Vì nó không thích ở mãi trong kho lúa
- D. Vì khi được gieo xuống đất nó sẽ nhận được nước và ánh sáng.

Câu 5. Xác định thành phần trạng ngữ trong câu: *Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng.*

- A. Thời gian trôi qua
- B. hạt lúa thứ nhất bị héo khô
- C. bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng
- D. bị héo khô nơi góc nhà

Câu 6. Từ *sung sướng* trong văn bản trên thuộc loại từ nào?

- A. Từ ghép đẳng lập
- B. Từ ghép chính phụ
- C. Từ láy
- D. Từ láy toàn bộ

Câu 7. Xác định biện pháp tu từ trong câu: *Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.*

- A. So sánh
- B. Nhân hóa
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ

Câu 8. Từ hình ảnh hạt lúa thứ nhất bị héo khô, tác giả muốn phê phán điều gì?

- A. Sự hèn nhát, ích kỉ không dám đương đầu với khó khăn, thử thách, luôn trốn tránh trong sự an toàn vô nghĩa
- B. Sự ích kỉ chỉ nghĩ đến lợi ích cho bản thân mình.
- C. Sự vô cảm không quan tâm đến người khác.
- D. Sự vô tâm, không có ý chí vươn lên trong cuộc sống.

Câu 9. Em hãy tóm tắt ngắn gọn văn bản trên?

Câu 10. Em rút ra được bài học gì sau khi đọc xong văn bản trên?

Bài 2.

Đọc bài thơ sau:

CON CHIM CHIỀN CHIỀN

Con chim chiến chiến
Bay vút, vút cao
Lòng đầy yêu mến
Khúc hát ngọt ngào.

Cánh đập trời xanh
Cao hoài, cao vợi
Tiếng hát long lanh
Như cảnh sương chói.

Chim ơi, chim nói
Chuyện chi, chuyện chi?

Chim bay, chim sà
Lúa tròn bụng sữa
Đồng quê chan chứa
Những lời chim ca.

Chim bay cao vút
Chim biến mất rồi
Chỉ còn tiếng hót
Làm xanh da trời...

Con chim chiến chiến
Hồn xanh quê nhà

Lòng vui bồi rồi
Đợi lên đến thì...

Sáng nay lại hót
Tung bùng lòng ta.

Tiếng ngọc trong veo
Chim gieo từng chuỗi
Lòng chim vui nhiều
Hát không biết mỏi.

(Huy Cận)

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thể thơ bốn chữ.
- B. Thể thơ năm chữ.
- C. Thể thơ tự do.
- D. Thể thơ lục bát.

Câu 2. Trong khổ thơ thứ 3, những tiếng nào được gieo vần với nhau?

*Chim ơi, chim nói
Chuyện chi, chuyện chi?
Lòng vui bồi rồi
Đợi lên đến thì...*

- A. nói – chi.
- B. chi – rồi.
- C. nói – chi; rồi – thì.
- D. nói – rồi; chi – thì.

Câu 3. Từ nào sau đây KHÔNG phải là từ ghép?

- A. Tươi tốt.
- B. Đồng quê.
- C. Long lanh.
- D. Trong veo.

Câu 4. Chủ đề của bài thơ là

- A. niềm vui của con chim chiến chiến với thiên nhiên, cuộc sống.
- B. niềm vui của con người trước cảnh vật tươi đẹp, đầy sức sống của thiên nhiên.
- C. vẻ đẹp của chú chim chiến chiến bên cạnh bức tranh thiên nhiên.
- D. tiếng hót trong trẻo của chú chim chiến chiến làm bức tranh thiên nhiên thêm sức sống.

Câu 5. Từ đồng nghĩa với từ “trong veo” trong câu thơ “Tiếng ngọc trong veo” là

- A. đục ngầu.
- B. trong ngần.
- C. trong sáng.
- D. vẫn đục.

Câu 6. Vị ngữ là cụm động từ trong câu

- A. Khúc hát ngọt ngào.
- B. Tiếng hát long lanh.
- C. Tiếng ngọc trong veo.
- D. Chim gieo từng chuỗi.

Câu 7. Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: “Tiếng hát long lanh/ Như cảnh sương chói” là

- A. So sánh.
- B. Nhân hóa.
- C. Ẩn dụ.
- D. Hoán dụ.

Câu 8. Câu thơ có sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ là

- A. Chim bay cao vút.
- B. Chim biến mất rồi.
- C. Chim ơi, chim nói.
- D. Những lời chim ca

Câu 9. Em hãy nhận xét về vẻ đẹp của hình ảnh “con chim chiến chiến” trong bài thơ.

Câu 10. Chỉ ra và phân tích tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ trong khổ thơ:

*Cánh đập trời xanh
Cao hoài, cao vợi
Tiếng hát long lanh
Như cànht sương chói.*

Bài 3.

Đọc đoạn trích sau:

Cốm không phải thức quà của người vội; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ. Lúc bấy giờ ta mới thấy thu lại cả trong hương vị ấy, cái mùi thơm phức của lúa mới, của hoa cỏ dại ven bờ: trong màu xanh của cốm, cái tươi mát của lá non, và trong chất ngọt của cốm, cái dịu dàng thanh đạm của loài thảo mộc. Thêm vào cái mùi hơi ngát của lá sen già, ướp lấy từng hạt cốm một, còn giữ lại cái ẩm áp của những ngày mùa hạ trên hồ. Chúng ta có thể nói rằng trời sinh lá sen để bao bọc cốm, cũng như trời sinh cốm nằm ủ trong lá sen, chúng ta thấy hiện ra từng lá cốm, sạch sẽ và tinh khiết, không có mảy may chút bụi nào. Hỡi các bà mua hàng! Chớ có thọc tay mân mê thức quà thần tiên ấy, hãy nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chút chiu mà vuốt ve... Phải nên kính trọng cái lộc của trời, cái khéo léo của người, và sự cố sức tiềm tàng và nhẫn nại của thần lúa. Sự thưởng thức của các bà sẽ được trang nhã và đẹp đẽ hơn và cái vui cũng sẽ tươi sáng hơn nhiều lắm.

(Thạch Lam, *Một thứ quà của lúa non, cốm*, trích Hà Nội 36 phố phường, NXB Văn hóa thông tin, 2014)

Ghi lại chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Trong đoạn văn, từ nào được tác giả dùng để gọi cốm?

- A. Thức quà
- B. Hương vị
- C. Thảo mộc
- D. Thần tiên

Câu 2. Nội dung chính của đoạn văn là?

- A. Nguồn gốc của cốm
- B. Quy trình làm cốm
- C. Giá trị của cốm
- D. Cách thưởng thức cốm

Câu 3. Câu văn nào sau đây nêu lời khuyên của tác giả về việc thưởng thức cốm?

A. *Cốm không phải thức quà của người vội; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ.*

B. Chúng ta có thể nói rằng trời sinh lá sen để bao bọc cốm, cũng như trời sinh cốm nằm ủ trong lá sen...

C. Thêm vào cái mùi hơi ngát của lá sen già, wóp lấy từng hạt cốm một, còn giữ lại cái ẩm áp của những ngày mùa hạ trên hồ.

D. Sự thương thức của các bà sẽ được trang nhã và đẹp dễ hơn và cái vui cũng sẽ tươi sáng hơn nhiều lắm.

Câu 4. Phép nhân hóa trong các hình ảnh trời sinh lá sen để bao bọc cốm, cũng như trời sinh cốm nằm ủ trong lá sen có tác dụng gì?

A. Giúp câu văn giàu hình ảnh, gợi những liên tưởng phong phú, độc đáo

B. Giúp câu văn giàu hình ảnh, nhấn mạnh sự quán quýt, hòa hợp giữa cốm và lá sen

C. Làm sự vật trở nên có hồn, nhấn mạnh sự hòa hợp, quán quýt giữa cốm và lá sen

D. Giúp câu văn hàm súc, nhấn mạnh sự khéo léo, kì diệu của tạo hóa

Câu 5. Ý nào sau đây nói đúng nhất về thái độ khi thương thức cốm?

A. Thông thả, ngẫm nghĩ, cảm nhận sự cầu kì

B. Chậm rãi, nhâm nhi, thương thức từng chút một

C. Nhẹ nhàng, nâng niu, trân trọng, yêu mến

D. Vội vàng, nhanh nhẹn, cảm nhận sự thanh đạm

Câu 6. Dòng nào dưới đây không nêu đúng đặc điểm của cốm được nói đến trong đoạn văn trên?

A. Hương vị, sắc màu của cốm là sự kết tinh của các loài thảo mộc

B. Hồng và cốm là sự hòa hợp tuyệt đối, không gì thay thế được

C. Lá sen dùng để bao bọc cốm là sự hòa hợp “trời sinh một cặp”

D. Thương thức cốm cần nâng niu, trân trọng, nhẹ nhàng, khéo léo

Câu 7: Dòng nào sau đây chỉ chứa các từ láy?

A. Thông thả, ngẫm nghĩ, chút chiu, vuốt ve

B. Thông thả, ngẫm nghĩ, khéo léo, nâng đỡ

C. Sạch sẽ, tinh khiết, trang nhã, đẹp dễ

D. Thông thả, nhẹ nhàng, vuốt ve, khéo léo

Câu 8. Đặc điểm cách viết tùy bút của Thạch Lam qua đoạn văn trên là:

A. Cách viết chân thực, sống động, thể hiện sự am hiểu sâu sắc về đối tượng

B. Từ ngữ chọn lọc, tinh tế, câu văn giàu nhịp điệu, hình ảnh giàu chất thơ

C. Hình ảnh trang trọng, lời văn mộc mạc, giản dị, thấm đượm chất trữ tình

D. Từ ngữ hàm súc, đa nghĩa, câu văn giàu nhịp điệu, nội dung sâu sắc

Câu 9. Chỉ ra một cụm từ được dùng để mở rộng thành phần chính trong câu văn: *Chớ có thọc tay mân mê thức quả thần tiên ấy, hãy nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chút chiu mà vuốt ve* và nêu tác dụng.

Câu 10: Qua đoạn văn, em cảm nhận được điều gì về tình cảm của tác giả với cốm – một “thức quả thần tiên” của “đồng quê, nội cỏ” An Nam?

Bài 4.

Đọc văn bản sau:

...Hạt gạo làng ta
Có bão tháng bảy
Có mưa tháng ba
Giọt mồ hôi sa
Những trưa tháng sáu
Nước như ai nấu
Chết cả cá cò
Cua ngoi lên bờ
Mẹ em xuống cấy...

(Trích “Hạt gạo làng ta” – Trần Đăng

Khoa)

Câu 1. Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: “Nước như ai nấu/ Chết cả cá cò” là:

A. So sánh

B. Nhân hóa

C. Ẩn dụ

D. Hoán dụ

Câu 2. Từ *lên* trong câu thơ “Cua ngoi lên bờ” là:

A. Phó từ

B. Động từ

C. Danh từ

D. Tính từ

Câu 3. Các từ *bảy, ba, sáu* trong đoạn thơ trên là:

A. Phó từ

B. Số từ

C. Lượng từ

D. Chỉ từ

Câu 4. Hiệu quả của phép tu từ được sử dụng trong hai câu thơ *Nước như ai nấu/Chết cả cá cò* là:

A. Gọi ra được sức nóng của nước, đồng thời gọi ra được nỗi vất vả, cơ cực của người nông dân.

B. Gọi ra được nỗi vất vả, cơ cực của người nông dân, làm hình ảnh hiện lên cụ thể hơn

C. Gọi ra mức độ khắc nghiệt của thời tiết, làm hình ảnh hiện lên cụ thể hơn

D. Hình ảnh hiện lên cụ thể hơn, gọi được sức nóng của nước, mức độ khắc nghiệt của thời tiết; đồng thời gọi ra được nỗi vất vả, cơ cực của người nông dân.

Câu 5. Cặp câu thơ nào có sử dụng hình ảnh tương phản:

A. Cua ngoi lên bờ

Mẹ em xuống cấy...

B. Giọt mồ hôi sa

Những trưa tháng sáu

C. Có bão tháng bảy

Có mưa tháng ba

D. Nước như ai nấu

Chết cả cá cò

Câu 6. Những giá trị của “hạt gạo làng ta” mà tác giả muốn khẳng định qua đoạn thơ là:

- A. Hạt gạo là sự kết tinh của công sức lao động vất vả của con người lẫn tinh hoa của trời đất.
B. Hạt gạo là sự kết tinh của công sức lao động vất vả của con người lẫn tinh hoa của trời đất, mang cả giá trị vật chất lẫn giá trị tinh thần.
C. Hạt gạo là sự kết tinh của tinh hoa của trời đất, mang cả giá trị vật chất lẫn giá trị tinh thần.
D. Hạt gạo là sự kết tinh của công sức lao động vất vả của con người, mang cả giá trị vật chất lẫn giá trị tinh thần.

Câu 7. Từ *sa* trong câu thơ “Giọt mồ hôi sa” có nghĩa là:

- A. Rơi xuống, lao xuống
B. Ngã xuống
C. Đi xuống
D. Đi đến một nơi nào đó

Câu 8. Cách gieo vần của đoạn thơ dưới đây là:

Hạt gạo làng ta
Có bão tháng bảy
Có mưa tháng ba

- A. Vần lưng
B. Vần chân
C. Vần lưng, vần liền
D. Vần chân, vần cách

Câu 9. Bài học mà em rút ra được qua đoạn trích trên là gì?

Câu 10. Nhận xét về một nét nghệ thuật đặc sắc trong đoạn thơ trên?

Dạng II. Viết

Đề 1. Trong các bài học, em đã được làm quen với nhiều nhân vật văn học thú vị. Hãy viết một bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu thích.

Đề 2. Em hãy viết bài văn nêu cảm xúc của mình về một sự việc đặc biệt đối với em.

Đề 3. Viết bài văn biểu cảm về một người mà em yêu quý.



NGUYỄN NGỌC LAN

TỔ TRƯỞNG

LƯU HOÀNG TRANG

NHÓM TRƯỞNG

TỔNG THỊ HOA

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học đến hết tuần 14

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1. Nêu sự hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI?

Câu 2. Trình bày những thành tựu chủ yếu của văn hóa Trung Quốc từ thế kỷ VII đến giữa thế kỷ XIX

Câu 3. Trình bày những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX.

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1. Đô thị cổ Pa-gan nay thuộc đất nước nào?

- A. Việt Nam
- B. Lào
- C. Mianma
- D. Thái Lan

Câu 2. Vào thế kỉ XIII, nước nào mở rộng xuống khu vực Đông Nam Á?

- A. Mỹ
- B. Thanh
- C. Mông Cổ
- D. Việt Nam

Câu 3: Nơi nào là thương cảng lớn nhất khu vực Đông Nam Á thời kì này?

- A. Ma-lắc-ca
- B. Hội An
- C. Campuchia
- D. Óc eo

Câu 4. Ở các nước Đông Nam Á thời kì này ngành kinh tế nào là chủ đạo?

- A. Thương nghiệp
- B. Công nghiệp
- C. Thủ công nghiệp
- D. Nông nghiệp

Câu 5: Các công trình kiến trúc, điêu khắc ở Đông Nam Á thời kì này chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của nền văn hóa nào?

- A. Anh, Pháp
- B. Ấn Độ, Trung Quốc
- C. Hy Lạp, Rô-ma
- D. Ai Cập

Câu 6. Từ thế kỉ XIII dòng Phật giáo nào được truyền bá và phổ biến ở Đông nam Á?

- A. Hòa Hảo
- B. Đại thừa
- C. Tiểu thừa
- D. Thừa viên

Câu 7. Dựa trên cơ sở chữ Hán người Việt đã tạo ra loại chữ gì?

- A. Chữ La tinh
- B. Chữ Phạn
- C. Chữ Nôm
- D. Chữ Giáp cốt

Câu 8. Công trình kiến trúc Phật giáo Chùa Vàng thuộc quốc gia nào ngày nay?

- A. Campuchia
- B. Lào
- C. Việt nam
- D. Thái lan



Câu 9. Các công trình kiến trúc, điêu khắc ở Đông Nam Á thời kì này chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của nền văn hóa nào?

- A. Anh Pháp
C. Hy Lạp Rô ma
- B. Ấn Độ Trung Quốc
D. Ai Cập

Câu 10: Vương triều hồi giáo Đê-li được thành lập vào năm nào?

- A. 1206
C. 1208
- B. 1207
D. 1209

Câu 11: Xã hội của Vương triều hồi giáo Đê-li như thế nào?

- A. Đời sống người dân được ổn định, sung túc
B. Mâu thuẫn dân tộc gay gắt làm bùng nổ các cuộc đấu tranh.
C. Vua thi hành nhiều chính sách tích cực về chính trị, xã hội và kinh tế.
D. Bị thực dân Anh xâm lược.

Câu 12: Vương triều Gúp-ta do ai thành lập?

- A. San-dra Gúp-ta I
C. Vua A-cơ-ba
- B. San-dra Gúp-ta II
D. Nhà vua

2. Bài tập tự luận:

Câu 1: Trình bày những thành tựu chủ yếu của văn hóa Trung Quốc từ thế kỷ VII đến giữa thế kỷ XIX (Về tư tưởng tôn giáo, sử học, văn học, kiến trúc điêu khắc)

Câu 2: Nêu những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX.

Câu 3: Nêu những nét chính về Ấn Độ thời phong kiến dưới Vương triều Gúp-ta.



Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Lưu Hoàng Trang

NTCM

Hán Thu Huyền



I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức: Từ tuần 1 đến tuần 14

2. Các câu hỏi trọng tâm:

Câu 1. Phân tích đặc điểm sông ngòi Bắc Á? Tại sao về mùa xuân, vùng trung và hạ lưu sông Ô – bi lại có lũ băng lớn?

Câu 2. Phân tích đặc điểm địa hình khu vực Nam Á? Ảnh hưởng của địa hình đến khí hậu của khu vực ?

Câu 3. Phân tích đặc điểm vị trí địa lí, đường bờ biển của châu Phi ? Đặc điểm đường bờ biển có ảnh hưởng gì đến khí hậu của châu lục ?

Câu 4. Phân tích đặc điểm khí hậu châu Phi? Giải thích tại sao khí hậu châu Phi nóng, khô bậc nhất thế giới?

Câu 5. Trình bày đặc điểm dân số châu Phi? Ảnh hưởng của đặc điểm dân số đến phát triển kinh tế - xã hội?

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Bài tập TNKQ: (Ôn tập từ bài 5 đến bài 10)

Câu 1. Châu Á là một bộ phận của lục địa

- A. Bắc Mỹ B. Á-Âu C. Nam Mỹ. D. Nam Cực

Câu 2. Khu vực nào của châu Á giáp với biển Đông?

- A. Nam Á B. Tây Nam Á C. Bắc Á D. Đông Nam Á

Câu 3. Đồng bằng nào sau đây phân bố ở Đông Á?

- A. Lưỡng Hà B. Hoa Bắc C. Tây Xi-bia D. Tu-ran

Câu 4. Động đất thường xảy ra ở khu vực nào của châu Á?

- A. Vùng núi cao B. Vùng đồng bằng C. Vùng nội địa D. Vùng đảo và duyên hải

Câu 5. Sông Hoàng Hà ở khu vực Đông Á chảy theo hướng nào?

- A. Bắc-Nam B. Tây-Đông C. Nam-Bắc D. Tây Bắc-Đông Nam

Câu 6. Ý nào sau đây diễn tả chính xác đặc điểm địa hình của châu Á?

- A. Nhiều núi và sơn nguyên cao, đồ sộ, nhiều đồng bằng rộng bậc nhất thế giới.
B. Nhiều núi và sơn nguyên cao, đồ sộ, nhiều đồng bằng có diện tích nhỏ và trung bình.
C. Nhiều núi và sơn nguyên tương đối cao, nhiều đồng bằng rộng bậc nhất thế giới.
D. Chủ yếu là núi và sơn nguyên thấp, đồng bằng nhỏ.

Câu 7. Nằm ở khu vực Đông Nam Á, Việt Nam chủ yếu thuộc kiểu khí hậu nào?

- A. Ôn đới lục địa B. Nhiệt đới gió mùa C. Ôn đới hải dương D. Xích đạo



Câu 8. Có mật độ dân số cao nhất ở châu Á là khu vực

- A. Đông Á B. Bắc Á C. Đông Nam Á D. Nam Á

Câu 9. Nơi có nhiều thuận lợi cho dân cư sinh sống ở châu Á là khu vực

- A. Khí hậu gió mùa B. Khí hậu lục địa C. Khí hậu hàn đới D. Khí hậu núi cao

Câu 10. Nội dung nào sau đây không phải là vấn đề dân cư, xã hội nổi bật ở châu Phi?

- A. Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao B. Nạn đói
C. Xung đột quân sự D. Suy giảm tài nguyên rừng

Câu 11. Châu Phi có diện tích lớn thứ ba thế giới sau các châu lục

- A. Châu Á và châu Âu B. Châu Á và châu Nam Cực
C. Châu Á và châu Mỹ D. Châu Mỹ và châu Đại Dương

Câu 12. Các dạng địa hình chủ yếu của châu Phi là

- A. núi cao và đồng bằng B. sơn nguyên và bồn địa
C. cao nguyên và đồng bằng D. núi cao và thung lũng sâu

Câu 13. Châu Phi nối với châu Á bởi

- A. Eo Gi – bran – ta B. kênh đào Xuy-ê C. Biển Đỏ D. Bán đảo Xô-ma-li

Câu 14. Bồn địa nào sau đây không thuộc châu Phi?

- A. Ta rim B. Sát C. Nin Thượng D. Công - gô

Câu 15. Cảnh quan tiêu biểu của môi trường nhiệt đới ở châu Phi là

- A. rừng rậm xanh quanh năm B. Rừng thưa, xa van cây bụi
C. rừng cây bụi lá cứng D. rừng lá kim



BGH duyệt

Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Lưu Hoàng Trang

NTCM

Hoàng Thị Liên



Trường THCS Ngọc Lâm

Tổ: Xã hội

**NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ
HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2022-2023**

MÔN: GDCD

KHỐI: 7

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 14

- Quan tâm, cảm thông, chia sẻ
- Học tập tự giác, tích cực
- Giữ chữ tín
- Bảo tồn di sản văn hóa

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1 : Thế nào là quan tâm, cảm thông và chia sẻ? Ý nghĩa của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ. Em đã thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ qua các hành động cụ thể ?

Câu 2 :

a/ Thế nào là học tập tự giác và tích cực ? Nêu ý nghĩa của việc học tập tích cực và tự giác đối với bản thân?

b/ Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

- Ý kiến 1. Chỉ các bạn học giỏi mới cần tự giác, tích cực trong học tập.
- Ý kiến 2. Chỉ cần tự giác, tích cực học tập khi tới các kì kiểm tra.

Câu 3 : Em hiểu thế nào là giữ chữ tín? Nêu ý nghĩa và biểu hiện của giữ chữ tín? Bản thân em đã làm gì để trở thành người biết giữ chữ tín?

Câu 4: Thế nào là di sản văn hóa? Vì sao phải bảo tồn văn hóa? Phân biệt và so sánh các loại di sản văn hóa ? Em đã làm gì để góp phần giữ gìn và bảo tồn di sản văn hóa?

Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Trắc nghiệm:

Câu 1. Di tích Hoàng thành Thăng Long thuộc địa bàn nào của TP Hà Nội?

- A. Hoàn Kiếm. B. Đống Đa. C. Long Biên. D. Cầu Giấy.

Câu 2: “Hát quan họ” là điệu hát của dân tộc nào?

- A. Dao. B. Kinh. C. Mường. D. Thái.

Câu 3: Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ?

- A. Thờ ơ trước khó khăn, đau khổ của người khác.
B. Giúp đỡ người khác với thái độ ban ơn, kể lể.



C. Không vui vẻ khi bạn đạt thành tích cao.

D. Lắng nghe, động viên, an ủi mọi người.

Câu 4: Di sản văn hóa nào dưới đây là di sản văn hóa phi vật thể?

A. Nhã nhạc cung đình Huế.

B. Trống đồng Đông Sơn.

C. Bến Nhà Rồng.

D. Khu di tích Mỹ Sơn.

Câu 5: Biểu hiện nào sau đây trái với giữ chữ tín?

A. Giữ đúng lời hứa của mình.

B. Buôn bán hàng chất lượng.

C. Hay trễ hẹn với bạn bè.

D. Nói đi đôi với làm.

2. Bài tập:

Bài tập 1: Cho tình huống sau:

H và N là bạn học cùng lớp và ở gần nhà nhau. H bị ốm và phải nghỉ học nhiều ngày. Để giúp đỡ H, buổi chiều N thường sang nhà đưa vở cho H chép bài và giải thích những chỗ khó hiểu cho bạn. M cùng lớp thấy vậy cho rằng N làm vậy là không đúng, vì học là nhiệm vụ của học sinh nên H phải tự học tập để hoàn thành nhiệm vụ thầy cô giao.

a/ Em nhận xét gì về việc làm của N?

b/ Theo em ý kiến của M như vậy có đúng không? Tại sao?

Bài tập 2: Cho tình huống sau:

Nhiều bạn khi đi thăm quan di tích Lam Kinh thường khắc tên mình lên đá, lên bức tượng, lên cây để đánh dấu nơi mình đã đến.

a/ Em hãy nhận xét về các hành vi đó?

b/ Nếu em ở đó em sẽ làm gì?

Bài tập 3: Cho tình huống sau:

Mỗi khi sang nhà T chơi, thấy T cặm cụi làm thêm những bài tập nâng cao, mở rộng kiến thức, H liền nói: "Câu gốc quá đây có phải là những bài tập thầy cô giao đâu mà phải làm. Chúng mình chỉ cần làm hết các bài trong sách giáo khoa là tốt lắm rồi!".

a/ Em có nhận xét gì về lời nói của H?

b/ Nếu là T, em sẽ nói gì với H?



Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Lưu Hoàng Trang



NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

MÔN: TIẾNG ANH 7

PART I: Knowledge

1. Vocabulary

- From Unit 1 to Unit 5
- Words and phrases related to the topics: Hobbies, Health living, Community activities, Music and arts, Food and drink.

2. Grammar

- Present simple tense, past simple tense
- Simple sentences
- Verbs of liking & disliking
- Comparisons
- Some, any, a lot of/ lots of to describe quantities

3. Pronunciation

- Sounds: / ə / - / ɜ: /, / f / - / v /, / t /, / d /, / ed /, / ɔ: / - / ɒ /, / ʃ / - / ʒ /
- Word stress: From Unit 1 to Unit 5

PART II: Exercises

A. MULTIPLE CHOICE

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word whose underlined part differs from the others

- | | | | |
|----------------------------------|-------------------------------------|--|--|
| 1. A. <u>b</u> ought | B. <u>b</u> rought | C. <u>th</u> ought | D. <u>th</u> ough |
| 2. A. <u>d</u> ecision | B. <u>t</u> ele ^v ision | C. <u>s</u> ugar | D. <u>v</u> isual |
| 3. A. <u>d</u> evelop <u>e</u> d | B. <u>t</u> utor <u>e</u> d | C. <u>e</u> xch <u>a</u> ng <u>e</u> d | D. <u>v</u> olunt <u>e</u> er <u>e</u> d |
| 4. A. <u>n</u> ur <u>s</u> e | B. <u>p</u> ict <u>u</u> r <u>e</u> | C. <u>s</u> ur <u>f</u> | D. <u>r</u> et <u>u</u> rn |
| 5. A. <u>b</u> ott <u>o</u> m | B. <u>s</u> h <u>o</u> r <u>t</u> | C. <u>c</u> ou <u>r</u> t | D. <u>f</u> ou <u>r</u> |

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word whose stress differs from the others

- | | | | |
|----------------|----------------|--------------|----------------|
| 6. A. arrange | B. foreign | C. model | D. lyric |
| 7. A. fever | B. obese | C. limit | D. lifestyle |
| 8. A. pagoda | B. karate | C. exciting | D. interesting |
| 9. A. composer | B. concentrate | C. delicious | D. musician |
| 10. A. forget | B. prefer | C. perform | D. concert |

Circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following sentences

11. Dong Ho paintings are made on _____ paper with beautiful _____ colors.

- | | |
|-------------------------|--------------------------|
| A. traditional - nature | B. tradition - natural |
| C. tradition - nature | D. traditional – natural |

12. Nowadays, a lot of _____ live in a nursing home.

- | | |
|--------------------|--------------------|
| A. homeless people | B. elderly people |
| C. street children | D. disabled people |

13. The train _____ at 6 am tomorrow.
A. leaves B. leave C. is leave D. don't leave
14. This year's musical festival is not _____ it was last year.
A. different from B. worse C. as good as D. as well as
15. Chinese and Vietnamese people use _____ to pick up food while Western people use forks and spoons.
A. chopsticks B. cooker C. toothpicks D. bowl
16. There _____ a lot of butter in the fridge but there _____ any eggs.
A. are/ aren't B. is/ are C. is/ aren't D. isn't/ are
17. How many novels _____ Charles Dickens _____?
A. did/ write B. have/ written C. did/ written D. does/ write
18. People use _____ under the water to control the puppets and make them move on water.
A. strings B. balloons C. hats D. models
19. Classical music is not _____ as pop music.
A. exciting B. more excited C. as exciting D. as excited
20. For breakfast, Nam usually has two _____ of bread and a glass of milk.
A. loaf B. loaves C. piece D. bars

Circle the letter A, B, C or D to indicate the most suitable response to each of the following exchanges.

21. "How much does this skirt cost?" "_____."
A. Here you are B. A dozen, please
C. Twenty-eight dollars D. Yes. I need some milk
22. "May I borrow a pen for a minute, please?" – "_____"
A. Yes, certainly! B. That's right!
C. Yes. Thank you! D. No, thanks!

Circle the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction

23. I think learning to play the violin is as difficult than learning to play the guitar.
A B C D
24. Laura brought a lot of money with her so that she could buy any foods.
A B C D
25. Van Cao was a great Vietnamese compose, painter, and poet.
A B C D
26. We often have some rice and pork in lunch.
A B C D

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word (s) CLOSEST in meaning to the underlined word (s) in each of the following questions.

27. The artists performed the water puppet show at a theater in the center of Ha Noi.
A. described B. presented C. took up D. held

40. Why do cooks include different tastes, colours and nutrients in Vietnamese food?
A. To make it pleasing to the eye. B. To make it good for health
C. To make it attractive to the tongue D. All of the above.

B. WRITING

Rearrange the words or phrases to make meaningful sentences

41. my / often / spend / leisure time / I / the / listening to / radio /.

42. Water/ is / special / Viet Nam / a / art form / puppetry / traditional / in /.

43. participate / interesting/ she / campaign / Did / last Saturday/ in /? /an/

44. buy / She / some oil / needs / to / in / there isn't / oil / because / any / the kitchen /.

45. she / The / performance / last night / gave / performances / other / was / not like /.

Rewrite the following sentences without changing the meaning, beginning with the given words

46. My answer to this exercise is not like my friend's.

⇒ My answer to this exercise is

47. Collecting and trying recipes from foreign countries is one of Jane's interests.

⇒ Jane is

48. This year's performance is not very good. Last year's was better.

⇒ This year's performance is not

49. Because of the heavy rain, they didn't go camping yesterday.

⇒ Because it

50. Let's visit our farm this summer.

⇒ How about?

PART III: SPEAKING

1. Talk about your hobby
2. Talk about how to deal with some health problems
3. Talking about some types of music you like



Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Nguyễn Thị Quỳnh Diệp

NTCM

Đào Quỳnh Anh

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: ANH – NĂNG KHIẾU

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2022 – 2023
MÔN: NGHỆ THUẬT (ÂM NHẠC)
KHỐI 7

1. Ôn tập 4 bài hát:

- Khai trường
- Vì cuộc sống tươi đẹp
- Nhớ ơn thầy cô
- Lí kéo chài

2. Ôn 3 phần nhạc lí

- Nhịp lấy đà
- Dấu nhắc lại – Dấu quay lại – Khung thay đổi

3. Tập đọc nhạc:

- TĐN số 1, 2, 3



Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

A blue ink signature of Nguyễn Quỳnh Diệp.

Nguyễn Quỳnh Diệp

NTCM

A blue ink signature of Nguyễn Thị Nhàn.

Nguyễn Thị Nhàn

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I

Năm học 2022-2023

Môn: Nghệ thuật (Mĩ thuật) 7

- Em hãy vẽ một mẫu vật có dạng khối trụ, khối cầu. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4. Chất liệu tự chọn.
- Em hãy tạo mô hình, vẽ ngôi nhà trong tranh. Thể hiện tùy ý. Chất liệu tự chọn.
- Em hãy thiết kế một chao đèn trong trang trí kiến trúc. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4. Chất liệu màu tự chọn.

Ban Giám Hiệu

TTCM

Nhóm trưởng

Người lập



A blue ink signature.

A blue ink signature.

A blue ink signature.

Nguyễn Ngọc Lan

Nguyễn.T. Quỳnh Diệp

Vũ Hồng Tâm

Vũ Thị Hương Giang

Trường THCS Ngọc Lâm

Tổ Anh – Năng Khiếu

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I – MÔN THỂ DỤC

NĂM HỌC 2022 – 2023

MÔN THỂ DỤC- KHỐI 7

I. Kiến thức cần ôn

1. Ôn tập nội dung Nhảy xa kiểu ngồi

II. Kỹ năng - kỹ thuật cần đạt

Thực hiện hoàn chỉnh 4 giai đoạn của nhảy xa kiểu ngồi, nâng cao thành tích.

III. Hình thức kiểm tra

- Thực hành tại nhà thể chất hoặc sân trường



Nguyễn Ngọc Lan

Tổ trưởng CM

Nguyễn Quỳnh Diệp

Nhóm trưởng CM

Đinh Lý Huỳnh

Họ và tên:.....

Lớp:.....

I. PHẠM VI ÔN TẬP:

Toàn bộ kiến thức từ tuần 1 đến hết tuần 11.

II. NỘI DUNG ÔN TẬP

A. Lý thuyết:

1. Bài 1:

- Từ vựng (trang 156, 157 – Sách giáo khoa)

- Chữ hán: 先、生

- Cấu trúc:

- これ／それ／あれ／どれ
- Câu chỉ nội dung
- Câu sở hữu

2. Bài 2:

- Từ vựng (trang 157, 158 – Sách giáo khoa)

- Chữ hán: 上、下

- Cấu trúc:

- この／その／あの／どの
- ～は～にあります／います

3. Bài 3:

- Từ vựng (trang 158,159 – Sách giáo khoa)

- Chữ Hán: 行、来

- Cấu trúc:

- ここ／そこ／あそこ／どこ
- ～に～がいます／います
- 何もあります／何もいません／だれもいません
- Nへ 行きます／来ます／かえります。

4. Bài 4:

- Từ vựng (trang 159,160 – Sách giáo khoa)

- Chữ Hán: 百、円

- Cấu trúc:

- Số đếm: ひゃく／せん／まん
- Cách đếm đồ vật: ～つ
- Nを ください
- Nを Vます

- ~ね : Đứng cuối câu để xác nhận thông tin
- ~で: Trợ từ biểu thị số lượng tổng cộng

B. Bài tập củng cố kiến thức:

I. Viết cách đọc chữ Hán hoặc chữ Hán tương ứng với chữ được gạch chân:

1.	<u>生</u> と	→		6.	<u>四十円</u>	→	
2.	<u>先</u> しゅう	→		7.	<u>き</u> ます	→	
3.	<u>来</u> しゅう	→		8.	<u>う</u> え	→	
4.	<u>行</u> きます	→		9.	<u>ひ</u> ゃく	→	
5.	<u>下</u>	→		10.	<u>せん</u> せい	→	

II. Chọn đáp án đúng nhất:

- あそこに ケーキが () 。
A. います B. いません C. あります D. どこです
- ホアさんは いえに () 。
A. どこです B. ありますか C. あります D. います
- おとうとは がっこう () いきます。
A. へ B. が C. の D. で
- ランせんせいは () ですか。
A. いきます B. どこ C. います D. あります
- マイさんは うちへ () 。
A. どこです B. きます C. いきます D. かえります
- このペンは.....ですか。
A. だれ B. なん C. だれの D. なんの
-えんぴつは マイさんのですか。
A. これ B. それ C. あの D. あそこ
- ここに () ありません。
A. 何も B. だれも C. ミンさん D. せいと
- きょうしつに ランさん () マイさんが います。
A. も B. に C. と D. へ

10. ゆりさん、これから どこへ.....か。

- A. たべます B. あります C. のみます D. 行きます

11. リンさんは ベトナムへ.....。

- A. います B. 来ます C. 行きます D. かえります

12. こうてい () だれ () いますか。

- A. に、が B. に、も C. は、が D. は、も

13. がっこう () となりに こうえんが あります。

- A. は B. に C. の D. で

14. わたしは ^{にほん}日本へ.....。

- A. きます B. かえります C. 行きます D. います

15. このジュースは.....ですか。

- A. だれ B. いくら C. なん D. なんにん

16. () は ミンさんの ボールペンではありません。

- A. それ B. あの C. ここ D. だれ

17. 「60000」

- A. ろくまん
B. ろくせん
C. ろっぴゃく
D. ろくじゅう

18. 「10,000,000」

- A. じゅうまん
B. いちまん
C. ひゃくまん
D. せんまん

19. りんご.....ください。

- A. を B. に C. の D. と

20. アイスクリームを.....ください。

- A. いち B. みっつ C. さんにん D. いっさい

III. Trả lời câu hỏi:

1. あそこは きょうしつですか。

はい、

2. このけしゴムは ミンさんの ですか。

いいえ、

3. マイさんのかさは ここに ありますか。

はい、

4. いま、うちに だれが いますか。

5. がっこうに どうぶつが いますか。

6. かばんのなかに なにが ありますか。

IV. Hãy viết cách đọc ひらがな các từ vựng sau:

1. Trường học :		6. Phòng học :	
2. Phòng thể chất :		7. Phòng đọc :	
3. Chợ :		8. Siêu thị :	
4. Phòng giáo viên :		9. Công viên :	
5. Thực đơn		10. Núi Phú Sĩ:	

V. Chọn câu đồng nghĩa với câu được gạch chân:

1. プールは わたしの がっこうに ありません。

- A. わたしの がっこうに プールが いません。
- B. わたしの がっこうに プールが います。
- C. わたしの がっこうに プールが あります。
- D. わたしの がっこうに プールが ありません。

2. いすの うしろに ねこが います。

- A. ねこは いすの うえに います。
- B. ねこは いすの うえに いません。
- C. いすは ねこです。
- D. ねこは いすです。

3. にくが すきではありません。

- A. にくを たべます。

B. にくを たべません。

C. にくを のみます。

D. にくを ください。

4. としよしつは どこに ありますか。

A. としよしつは どこですか。

B. としよしつは どこに いますか。

C. としよしつは ここですか。

D. としよしつは あそこですか。

5. それは チーさんの日本ごの まんがです。

A. そのまんがは チーさんのではありません。

B. そのまんがは えいごのです。

C. そのまんがは 日本ごのではありません。

D. そのまんがは チーさんのです。

おわり

Chúc các con ôn tập tốt!



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC GSG VIỆT NAM
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ GSG

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I – LỚP 7
MÔN HỌC TIẾNG HÀN
NĂM HỌC 2022-2023

I: TỪ VỰNG

Bài 1	방: Phòng 거실: Phòng khách 침대: Cái giường 피아노: Đàn pi-a-no 텔레비전: Ti vi 컴퓨터: Máy tính
Bài 2	부엌: Nhà bếp 놀이터: Sân chơi 식탁: Bàn ăn 시소: Bập bênh 냉장고: Tủ lạnh 그네: Xích đu
Bài 3	물: Nước 수박: Dưa hấu 만화책: Truyện tranh 오렌지: Quả cam 비빔밥: Cơm trộn 삼계탕: Gà hầm sâm
Bài 5	일(1), 이(2), 삼(3), 사(4), 오(5), 육(6), 칠(7), 팔(8), 구(9), 십(10)
Bài 6	위: Bên trên 아래: Bên dưới 앞: Phía trước 뒤: Phía sau 안: Bên trong 밖: Bên ngoài
Bài 7	아침: Buổi sáng 저녁: Buổi tối 산: Núi

	오늘: Hôm nay 내일: Ngày mai 바다: Biển
Bài 9	숙제를 해요: Làm bài tập 노래를 불러요: Hát 춤을 춥니다: Nhảy múa 피아노를 쳐요: Chơi piano 배드민턴을 쳐요: Chơi cầu lông 야구를 해요: Chơi bóng chày
Bài 10	음식을 만들다: Chế biến món ăn 사진을 찍다: Chụp ảnh 기타를 치다: Chơi đàn ghi-ta 스키를 타다: Trượt tuyết 농구를 하다: Chơi bóng rổ 운전을 하다: Lái xe 게임을 하다: Chơi game 낚시를 하다: Câu cá 등산을 하다: Leo núi
Bài 11	공원: Công viên 음악회: Buổi hòa nhạc 주말: Cuối tuần 걸어요: Đi bộ 들어요: Nghe 숙제해요: Làm bài tập 식사해요: Dùng bữa 배워요: Học 쉬어요: Nghỉ ngơi 자주: Thường xuyên 동화책: Truyện cổ tích 이번: Lần này
Bài 13	사랑해요. I love you 행복해요. Hạnh phúc
Bài 14	축하합니다: Chúc mừng

	죄송합니다: Xin lỗi 고맙습니다: Cảm ơn 감사합니다: Cảm ơn 잘 먹겠습니다. Cảm ơn vì đồ ăn (trước bữa ăn) 잘 먹었습니다: Cảm ơn vì đồ ăn (sau bữa ăn)
Bài 15	여보세요: Alo 같이: Cùng nhau 약속: Cuộc hẹn 만나다: Gặp gỡ 많다: Nhiều 적다: Ít 크다: To, lớn 작다: Nhỏ, bé 비싸다: Đắt 싸다: Rẻ 나쁘다: Xấu, không tốt 좋다: Tốt, đẹp

2020
CÔNG
TH
TỰ VÀ PH
CHIA ĐUY
VIỆT N
BEN-

II. NGỮ PHÁP

1. N 이/가 있어요 (Dùng khi muốn nói có cái gì)

이: Sau danh từ có patchim

가: Sau danh từ không có patchim

Ví dụ: 시계가 있어요. Có đồng hồ
부엌이 있어요. Có nhà bếp

2. N 에 있어요 (Dùng khi muốn nói về vị trí của một đồ vật nào đó)

Ví dụ: 냉장고가 부엌에 있어요. Tủ lạnh có ở nhà bếp
모자가 의자 위에 있어요. Ghế có ở trên ghế

3. N 을/를 (을/를 là tiểu từ bổ ngữ, nằm sau danh từ bổ ngữ của câu. Dùng để chỉ ra những danh từ chịu tác động của hành động)

을: Sau danh từ có patchim

를: Sau danh từ không có patchim

Ví dụ: 아이가 만화책을 읽어요. Em bé đọc truyện tranh
엄마는 수박을 먹어요. Mẹ ăn dưa hấu

4. 언제 (Là từ để hỏi, dùng để hỏi về một khoảng thời gian nào đó)

Ví dụ: 언제 운동해요? Khi nào tập thể dục?

언제 학교에 가요? Khi nào đi tới trường?

5. N에 (‘에’ nằm sau danh từ chỉ thời gian, dùng để chỉ ra khoảng thời gian thực hiện hành động)

Ví dụ: 아침에 우유를 마셔요. Uống sữa vào buổi sáng.

주말에 친구를 만나요. Gặp bạn vào cuối tuần.

6.

무슨: ‘gì’. Nằm trước danh từ, dùng để hỏi về chủng loại của danh từ đó.

잘해요: ‘làm tốt’

잘 못해요: ‘không thể làm tốt’

Ví dụ: 무슨 음식을 좋아해요? – 김치찌개를 좋아해요.

(Thích món ăn gì? – Tôi thích canh kimchi)

한국 노래를 잘해요. Hát bài hát HQ hay.

야구를 잘 못해요. Không thể chơi bóng chày tốt.

7.

‘못’: ‘không thể’, đứng trước động từ, những động từ có dạng ‘N 하다’ thì ‘못’ để trước ‘하다’. Dùng để nói về khả năng không thể thực hiện một hành động nào đó

‘지 못하다’: ‘không thể’, nằm sau thân động từ. Dùng để nói về khả năng không thể thực hiện một hành động nào đó

Ví dụ: 농구를 못해요. Không thể chơi bóng rổ.

친구하고 축구를 하지 못해요. Không thể đá bóng với bạn.

8. ‘안’: ‘Không’, đứng trước động từ, những động từ có dạng ‘N 하다’ thì ‘안’ để trước ‘하다’. Dùng để phủ định về một hành động nào đó.

Ví dụ: 오늘 병원에 안 가요. Hôm nay không đi tới bệnh viện

학교에서 한국어를 공부를 안 해요. Không học tiếng hàn ở trường

9. ‘을/ㄹ까요?’ ‘Nhé,nhì?’. Nằm sau thân động từ, thân động từ có patchim + 을까요?, thân động từ không có patchim + ㄹ까요?. Dùng để đề nghị, rủ ai đó cùng làm gì.

Ví dụ: 영화를 같이 볼까요? Cùng xem phim nhé?

오늘 밥을 같이 먹을까요? Hôm nay cùng ăn cơm nhé?

CÂU HỎI ÔN TẬP / 복습 문제

Bài 1: 그림을 보고 알맞은 것을 고르십시오.

(Nhìn tranh và lựa chọn đáp án đúng)

1.



① 육

② 칠

③ 팔

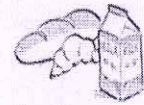
④ 구

2.



3.

- ① 위 ② 앞 ③ 뒤 ④ 아래



4.

- ① 과자와 우유 ② 빵과 우유 ③ 과일 ④ 과자



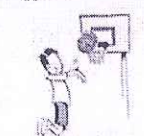
5.

- ① 스키를 타요 ② 낚시를 해요
③ 운전을 해요 ④ 사진을 찍어요



6.

- ① 식사해요 ② 배워요
③ 음식을 만들어요 ④ 등산을 해요



- ① 축구해요 ② 농구해요
③ 스키를 타요 ④ 피아노를 쳐요

Bài 2: 다음은 무엇에 대한 이야기입니까?
(Câu chuyện nói về cái gì?)

7. 저는 농구를 해요. 친구는 야구를 해요.

- ① 이름 ② 학교 ③ 운동 ④ 가족

8. 민수는 회사원이예요. 수빈은 선생님이예요.

- ① 직업 ② 사람 ③ 공부 ④ 운동

9. 강아지가 식탁 밑에 있어요. 고양이가 식탁 위에 있어요.

- ① 가족 ② 위치 ③ 음악회 ④ 음식

10. 아버지는 축구가 좋아요. 어머니는 요리가 좋아요.

- ① 취미 ② 오늘 ③ 친구 ④ 숙제

11. 이게 비빔밥이에요. 저게 삼계탕이에요.

- ① 가족 ② 위치 ③ 음악회 ④ 음식

12. 저는 유진이에요. 친구는 민수예요.

- ① 고향 ② 이름 ③ 운동 ④ 학교

Bài 3: 빈칸에 들어갈 알맞은 것을 고르십시오.

(Lựa chọn từ đúng điền vào chỗ trống)

13. 사과가 작아요. 수박이 ().



- ① 먹어요 ② 커요 ③ 재미있어요 ④ 재미없어요
14. 저는 부모님을 사랑해요. 부모님은 저를 사랑해요. 우리 가족은 ().
- ① 많아요 ② 적어요 ③ 행복해요 ④ 감사해요
15. 저는 야구를 못해요. 야구가 () 좋아요.
- ① 자주 ② 못 ③ 무슨 ④ 안
16. 오늘 친구하고 같이 노래방에 가요. 노래방에서 노래를 ().
- ① 쳐요 ② 불러요 ③ 만들어요 ④ 걸어요
17. 주말에 우리 같이 등산을 ()?
- ① 할까요 ② 볼까요 ③ 읽을까요 ④ 들을까요
18. 아버지하고 바다 () 낚시를 해요.
- ① 가 ② 에 ③ 에서 ④ 는
19. 동화책이 아주 비싸요. 동화책을 () 사요.
- ① 못 ② 잘 ③ 자주 ④ 예

20.

가: () 운동을 자주 해요?

나: 스키를 자주 타요.

- ① 어디 ② 무엇 ③ 무슨 ④ 누구
21. 내일 () 숙제를 할까요?
- ① 어디 ② 같이 ③ 약속 ④ 자주
22. 생일에 친구와 같이 춤을 ().
- ① 쳐요 ② 취요 ③ 해요 ④ 타요

Bài 4: 다음 글을 잘 읽고 맞는 것을 고르십시오.

(Đọc đoạn văn sau và chọn đáp án đúng)

저는 안나예요. 저는 기타를 잘 쳐요. 매일 집에서 기타 연습을 해요. 하지만 피아노를 치지 못해요.

수미는 제 친구예요. 수미는 운동이 좋아요. 선생님과 친구들과 같이 학교 운동장에서 배드민턴을 자주 쳐요. 배드민턴을 잘 쳐요. 하지만 농구를 하지 못해요.

23. 누가 기타를 잘 쳐요?

- ① 안나 ② 수미

24. 수미는 무슨 운동을 잘 해요?

- ① 기타 ② 배드민턴 ③ 농구 ④ 피아노

25. 수미는 어디에서 배드민턴을 쳐요?

- ① 공원 ② 집 ③ 운동장 ④ 헬스클럽

26. 안나는 무엇을 연습해요?

- ① 기타 ② 피아노 ③ 야구 ④ 축구
 27. 두 사람은 농구를 같이 해요?
 ① 네 ② 아니요

Bài 5: 다음 단어를 사용해서 문장을 만드십시오.
 (Sử dụng từ đã cho viết thành câu hoàn chỉnh)

28. 가족 / 주말 / 식당 / 밥 / 먹다

29. 우리 오빠 / 낚시 / 못하다

30. 시계 / 소파 / 위 / 있다

31. 저녁 / 친구 집 / 기타 / 배우다

32. 우리 / 여동생 / 집 / 청소 / 하다

Bài 6: 밑줄 친 부분이 틀린 문장을 고르십시오.

(Lựa chọn câu có phần gạch chân sai)

33.
 ① 음악회에 안 가요. ② 친구하고 안 낚시를 해요.
 ③ 한국 신문을 안 읽어요. ④ 운동장에서 축구를 안 해요.
 34.
 ① 집에서 숙제를 해요. ⑤ 공원에서 자전거를 타요.
 ③ 식당에서 할머니하고 식사해요. ⑥ 아침에서 우유를 안 마셔요.
 35.
 ① 딸기를 같이 먹을까요? ⑦ 오늘 영화를 같이 볼까요?
 ③ 오후에 운동을 같이 할까요? ⑧ 한국 음식을 같이 만들을까요?

DÁP ÁN:

1. ④	2. ④	3. ②	4. ③	5. ①	6. ②	7. ③	8. ①	9. ②	10. ①
11. ④	12. ②	13. ②	14. ③	15. ④	16. ②	17. ①	18. ③	19. ①	20. ③
21. ②	22. ②	23. ①	24. ②	25. ③	26. ①	27. ②	33. ②	34. ④	35. ④

28. 주말에 가족하고 같이 식당에서 밥을 먹어요.

29. 우리 오빠는 낚시를 못해요.

30. 시계가 소파 위에 있어요.

31. 저녁에 친구 집에서 기타를 배워요.

32. 우리 여동생은 집에서 청소를 해요.

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 14.

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Nguyên tử là gì? Nêu đặc điểm cấu tạo của nguyên tử?

Câu 2: Nguyên tố hóa học là gì? Viết kí hiệu hóa học và gọi tên (theo danh pháp IUPAC) của 20 nguyên tố?

Câu 3: Trình bày nguyên tắc sắp xếp các nguyên tố hóa học trong bảng tuần hoàn, cấu tạo của bảng tuần hoàn?

Câu 4: a. Liên kết ion là gì? Liên kết cộng hóa trị là gì? Lấy ví dụ minh họa.

b. Nêu sự khác nhau về một số tính chất của hợp chất ion và hợp chất cộng hóa trị.

Câu 5: a. Viết công thức hóa học dạng chung của đơn chất và hợp chất? Lấy ví dụ.

b. Nêu ý nghĩa của công thức hóa học?

Câu 6: a. Trình bày khái niệm hóa trị (cho chất cộng hóa trị)?

b. Nêu nội dung quy tắc hóa trị?

Câu 7: Nêu khái niệm, công thức, đơn vị đo tốc độ?

Câu 8: Nêu các cách đo tốc độ chuyển động?

Câu 9: Nêu cách vẽ đồ thị quãng đường – thời gian, cách sử dụng đồ thị quãng đường – thời gian.

Câu 10: Nêu ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông?

Câu 11: Nêu khái niệm nguồn âm, sóng âm. Nêu các môi trường truyền âm.

Câu 12: Khi nào âm phát ra to, nhỏ? Khi nào âm phát ra cao, thấp?

Câu 13: Thế nào là phản xạ âm, tiếng vang? Các biện pháp để chống ô nhiễm tiếng ồn?

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Kí hiệu hóa học của nguyên tố Sulfur là

A. Si

B. S

C. So

D. Su

Câu 2: Nguyên tố hóa học nào dưới đây là kim loại?

A. O

B. N

C. Na

D. P

Câu 3: Chất nào sau đây là hợp chất?

A. Cl_2

B. Ca

C. CO

D. O_3

Câu 4: Liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử muối ăn NaCl là liên kết

A. ion

B. cộng hóa trị

C. kim loại

D. phi kim

Câu 5: Hóa trị của C trong hợp chất CO_2 là

- A. I B. II C. III D. IV

Câu 6: Hợp chất Sodium oxide gồm 2 nguyên tử sodium và 1 nguyên tử oxygen. Công thức hóa học của hợp chất là

- A. NaO_2 B. Na_2O C. S_2O D. SO_2

Câu 7: Cho biết công thức hóa học của hợp chất được tạo bởi hai nguyên tố X và O là XO , công thức hóa học của hợp chất được tạo bởi hai nguyên tố Y và H là YH_3 . Công thức hóa học của hợp chất tạo bởi hai nguyên tố X và Y là

- A. XY B. X_2Y C. X_2Y_3 D. X_3Y_2

Câu 8: Một xe chuyển động trên quãng đường s_1 trong thời gian t_1 , sau đó tiếp tục chuyển động quãng đường s_2 trong thời gian t_2 . Công thức tính tốc độ trung bình của xe chạy trên cả quãng đường này là gì?

- A. $v_{tb} = (s_1 + s_2) : (t_1 + t_2)$ B. $v_{tb} = (s_1 : t_1) + (s_2 : t_2)$
C. $v_{tb} = s_1 : t_1$ D. $v_{tb} = s_2 : t_2$

Câu 9: Hai người đi xe đạp chuyển động đều, người thứ nhất đi với tốc độ 15km/h , người thứ 2 đi với tốc độ $4,5\text{m/s}$. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Người thứ nhất đi nhanh hơn B. Người thứ hai đi nhanh hơn
C. Hai người đi với tốc độ như nhau D. Cả A và C đều đúng.

Câu 10: Vật nào dưới đây không phải là nguồn âm?

- A. Chuông đồng hồ đang kêu. B. Cồng chiêng đang được gõ.
C. Cái loa đài đang tắt. D. Thác nước đang chảy.

Câu 11: Âm không truyền được qua môi trường nào dưới đây?

- A. Rắn. B. Lỏng. C. Khí. D. Chân không

Câu 12: Trong 20 giây một lá thép thực hiện được 500 dao động. Tần số dao động của lá thép có giá trị là

- A. 250Hz . B. 25Hz . C. 10000Hz . D. 1000Hz .

Câu 13: Khi nghe thấy một vật phát ra âm to, ta có thể khẳng định?

- A. Vật dao động với biên độ dao động lớn.
B. Vật dao động với tần số dao động lớn.
C. Vật dao động với biên độ dao động nhỏ.
D. Vật dao động với tần số dao động nhỏ.

Câu 14: Hãy tính độ sâu của đáy biển tại một nơi tàu neo đậu, biết thời gian kể từ lúc tàu phát ra siêu âm đến khi nhận được siêu âm phản xạ là $1,5$ giây và vận tốc truyền siêu âm trong nước là 1500m/s .

- A. 1000 m . B. 1125m . C. 2250m . D. 2000m .

Câu 15: Giả sử nhà em ở gần đoạn đường có nhiều ô tô qua lại suốt ngày đêm. Em chọn phương án nào sau đây để chống ô nhiễm tiếng ồn?

- A. Bật nhạc to để át đi tiếng ồn bên ngoài. B. Đặt nhiều cây cảnh trong nhà.
C. Luôn mở cửa cho thông thoáng. D. Trồng cây xanh xung quanh nhà.

2. BÀI TẬP TỰ LUẬN:

❖ Dạng bài tập lập công thức hóa học.

Câu 1: Lập công thức hóa học của hợp chất tạo bởi:

- | | |
|-----------------------|--|
| a. Al (III) và O (II) | d. Mg (II) và nhóm OH (I) |
| b. S (IV) và O (II) | e. Na (I) và nhóm NO ₃ (I) |
| c. K (I) và Cl (I) | f. Fe (III) và nhóm SO ₄ (II) |

Cho biết ý nghĩa của các công thức hóa học trên?

❖ Dạng bài tập về tốc độ, đồ thị quãng đường – thời gian

Câu 2: Lúc 1h sáng, một đoàn tàu hỏa chạy từ ga A đến ga B với tốc độ 60km/h, đến ga B lúc 2h và dừng ở ga B 15min. Sau đó, đoàn tàu tiếp tục chạy với tốc độ cũ thì đến ga C lúc 3h15min.

- a. Hãy vẽ đồ thị quãng đường – thời gian của đoàn tàu nói trên.
b. Tính tốc độ trung bình của đoàn tàu khi đi từ ga A đến ga C.

Câu 3: Lúc 7h sáng một người đi bộ đều trên đoạn đường đầu dài 3,6km với vận tốc 2m/s, sau đó người đó ngồi nghỉ giải lao 15min rồi tiếp tục đi quãng đường tiếp theo dài 2,7km và kết thúc hành trình lúc 8h10min sáng.

- a. Vẽ đồ thị quãng đường - thời gian chuyển động của người đi bộ.
b. Lúc 8h sáng người đó đi được quãng đường dài bao nhiêu km
c. Tính tốc độ trung bình của người đó trong cả hành trình.

❖ Dạng bài tập về tần số dao động – phản xạ âm, tiếng vang.

Câu 4: Tính khoảng cách ngắn nhất từ vị trí đứng cách xa một vách đá để tại đó, ta nghe được tiếng vang do mình phát ra. Biết rằng vận tốc truyền âm trong không khí là 340 m/s.

Câu 5: Một người đứng trong một hang động cách một vách đá 850m và hét thật to. Người này có nghe rõ được tiếng vang của âm không? Tại sao? Biết vận tốc truyền âm trong không khí là 340m/s.

Câu 6: Một con lắc dao động với tần số 4Hz. Hỏi sau bao lâu thì con lắc thực hiện được 400 dao động.


TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGỌC LÂM
BGH duyệt
Nguyễn Thị Thu Hằng

TTCM/ NTCM


Đỗ Minh Phụng